



# LIÊN-HOÀ

NGUYỆT SAN



SỐ 6 NĂM THỨ MƯỜI



# LIÊN-HOÀ

*nguyệt - san*



P. L. 2.508 — RAM THÁNG 6 NĂM GIÁP-THÌN (23-7-1964)

Thông-bạch của G.H.P.G.V.N.T.N.  
Tìm thanh cứu khổ 卐  
Tháp đước (thơ)  
Đạo Phật với con người  
Bàn tay Ngà  
Ngành giáo-dục của Phật-giáo Nhật-Bản  
Hương về Từ - Mẫu (thơ)  
Cuộc vận-động của Phật-giáo Việt-Nam  
Cửa sổ (thơ)  
Thái-độ của Phật-tử Tây-Tạng đối với  
Thiên-Chúa giáo  
Cảm niệm (thơ)  
Phông-vấn Đại-đức Sangharakshita tại  
Hy-Mã-Lạp-Sơn  
Phật-Giáo V. N. qua phong giao tục ngữ  
Kim Cang tánh  
Vườn thơ Đạo Lý  
Tin tức

*Thích Tâm-Châu*

*Tịnh-Nhu*

*Tường-Phong*

*Nguyễn-Tĩnh*

*Dạ-Quang*

*Thích Thiên-Ẩn*

*Tuệ-Mai*

*Thích Tri-Quang*

*Huyền-Không*

*Thích Trí-Chơn*

*Nguyễn-Nhu*

*Thiện-Châu*

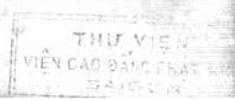
*Nguyễn-thị-Tuyết*

*Quảng-Huê*

*Nguyễn-Hạnh*

## HÌNH BÌA SỔ NÀY:

Bìa-Tát QUÁN-THẾ-ÂM — Tượng đồng đào được trong ngày  
Vía Phật Xuất-Gia 8-2 Giáp-Thìn (1964) tại Ấp Tân-Đại Quận Tư-  
Nghĩa Tỉnh Quảng - Ngãi.



CHỦ NHIỆM :  
THÍCH ĐÔN - HẬU  
QUẢN LÝ : THÍCH  
NỮ ĐIỀU - KHÔNG

*Thư từ bài vở bưu phiếu xin đề :*

**Thầy THÍCH ĐỨC - TÂM**

*Tổng thư-ký tòa-soạn*  
66 Chi-Lăng—Hộp thư 24, HUẾ

**Giá báo một năm :**

- Trong tỉnh : 110\$ — Ngoài tỉnh : 120\$
- Công-sở và ngoại-quốc 240\$.

## **THÔNG-BẠCH**

*Kính gửi :*

- Chư Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng Ni
- Ban Đại-Diện Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất các cấp, cùng toàn thể Phật-Tử trong ngoài nước

Kính thưa Quý Vị,

Chủ trương không thay đổi của Viện Hóa-Đạo Giáo-hội Phật-giáo V.N.T.N. là :

— Thành thực thân thiện, liên kết với tất cả các tôn giáo ;

— Bất cứ thời gian, hoàn cảnh nào, Giáo-hội vẫn khuyến thỉnh các Phật-tử tại gia nên tích cực tham gia mọi sinh hoạt của Quốc gia, Xã-hội cũng như chính-trị v.v... để thực tế hóa tinh thần báo đáp bốn ơn của người Phật-tử, để bảo vệ quyền sống cho mình, cho gia đình, cho đất nước và cho Đạo giáo.

Tuy nhiên, với hình thức đoàn kết, với tinh thần tham gia cũng cần Phải hợp với nguyên tắc và danh nghĩa của nó: Dù ai, hay địa phương nào muốn tổ chức hay tham dự trong một tổ chức có danh nghĩa là «đoàn kết tôn-

giáo» cần phải được sự chấp thuận của Viện Hóa-Đạo cho tổ chức, tham gia mới được. Và, Phật-tử tại gia tham gia đảng phái chính trị chỉ được quyền tham gia với tư cách cá nhân, chứ không được lạm dụng danh nghĩa Giáo-Hội. Danh nghĩa Giáo-Hội cũng như các hàng Tăng-sĩ không tham gia chính trị, nhưng cũng không can dự vào đời sống chính trị của Phật-tử tại gia. Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. ủng hộ và tán dương mọi cố gắng công đức bất cứ ai, bất cứ Chánh phủ nào quyết tâm bảo vệ tổ quốc, thực thi tự do dân chủ — trong đó có tự do tín ngưỡng — và đem lại hạnh phúc thật sự cho toàn dân.

Vậy, những ai, những cơ quan đại diện của Giáo-Hội tại Cấp nào đã làm, đang làm và sẽ làm trái với nguyên tắc, danh nghĩa trong chủ trương của Giáo-Hội P.G.V.N.T.N, Viện Hóa-Đạo coi như tự vượt ngoài chủ trương của Giáo-Hội và đương nhiên Viện Hóa-Đạo không thể chấp nhận.

Vi thể sự đem lại nhiều phức tạp cho Tổ-chức, nên nhân danh Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo G.H.P.G.V.N.T.N, một lần nữa tôi xin nhắc lại chủ trương trên để Quý Vị cùng hiểu và mong mỗi việc làm của Quý Vị mãi mãi là phản ảnh trung thành đường lối và chủ trương của Giáo-Hội và của Viện.

**Kính thông bạch**  
*Viện-Trưởng Viện-Hóa-Đạo*  
**Thượng-Tọa THÍCH-TÂM-CHÂU**

# tâm thanh cứu khổ

TỊNH-NHU

Mỗi lần đến ngày vía Đức Quán-Thế-Âm — đáng hiện thân của Từ-Bi và Vô-Úy — chúng ta không khỏi suy gẫm đến sứ-mệnh của chúng ta trước hiện tình **Khổ-Đau** của dân-tộc.

Nói đến đạo Phật là phải nói đến sự **Cứu-Khổ**, vì giáo-lý căn-bản của đạo Phật đã thiết-lập trên sự nhận-thức về **Khổ** và các phương tiện để **Diệt-Khổ**. Và một khi, những nỗi đau khổ càng trầm trọng, thì sứ-mệnh **Cứu-Khổ** của đạo Phật lại càng cấp thiết hơn.

Nỗi quần-quai của xứ sở qua 20 năm chiến-tranh và 9, 10 năm dưới ách thống-trị bạo-tàn đã chứng-minh sự hiện-hữu của đau khổ trong thể-xác cũng như trong tâm-hồn dân-tộc. Nỗi đau khổ đó không còn là một thứ nhận-thức trừu tượng, duy lý nữa, mà đã là một thứ thực-nghiệm đầy chua xót. Đau khổ đã đồng hóa với con người.

Nhưng nếu **Khổ-Đế** đã là một sự thực, thì người Phật-tử có bổn phận phải truy nguyên **Tập-Đế**, lý do của mọi đau khổ. Có truy nguyên được gốc rễ phát xuất đau khổ, ta mới tận diệt được nó — **Diệt-Đế** — để thăng-hoa xã-hội trong tinh thần an vui của **Đạo-Đế**. Nỗi đau khổ của chúng ta hôm nay, không phải là nỗi đau khổ phổ biến

mà là nỗi đau khổ nằm trong một hoàn cảnh lịch-sử dân-tộc; do đó nguyên nhân của **Tập Đố** cũng không phải là 12 nhân duyên phổ-biến, mà là những nguyên nhân gần gũi trong hoàn cảnh lịch-sử dân-tộc. Vì sao dân-tộc phải dày vò trong 20 năm trời chinh-chiến? Vì sao dân-tộc bị điều-linh, bóc lột suốt chín mươi năm trong tay quý sứ bạo tàn? Những hạng quý sứ ngoại lai nào, hiện thân của tham dục và bạo cường, phun đầy chất độc trên tâm hồn truyền thống của dân-tộc? Những hạng quý sứ tham vọng nào, bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, luôn luôn tìm cách phanh thây, chà đạp toàn dân? Đề hôm nay, chúng ta phải nghèo đói, kiệt quệ, mỗi mòn và lao đầu trong những bước phiêu lưu vô định. Truy nguyên được **Tập Đố**, lý do của đau khổ rồi, chúng ta mới thấy rằng tận diệt đau khổ và **Mọi Nguồn Gốc Phát Sinh Đau Khổ** mới thật là sứ mệnh của chúng ta.

Chính lúc này — hơn lúc nào hết — không còn là lúc chúng ta thể hiện sự cứu khổ một cách hời hợt. Chính lúc này — hơn lúc nào hết — không còn là lúc chúng ta chỉ bố thí cho đồng-loại một lon gạo, một đồng bạc, một manh áo, tấm quần. Những cử-chỉ cứu khổ cao đẹp ấy chỉ là thứ thuốc đổ thoa ngoài da không thể chữa lành căn bệnh nội thương trầm-trọng. Nỗi đau khổ của dân tộc không còn là một vết lở loét bên ngoài mà đã ăn sâu vào xương tủy. Đau khổ là một căn bệnh. Chữa trị đau khổ là một điều hợp lý. Nhưng chấm dứt được nguồn gốc phát sinh đau khổ mới thật là hợp lý hơn, mới thật là sứ-mệnh cấp-thiết của người Phật-tử.

Đã đến lúc chúng ta không phải chờ đợi một cách tiêu-cực sự **Linh cảm** của Đức Quán-thế-Ám nữa. Đã đến lúc chúng ta không phải rên siết để chờ đợi Đức Quán-

thể-Ám Tầm Thanh — nghe tiếng kêu la — đến Cứu khổ  
nữa. Chúng ta phải tự mình **Linh Cảm** một cách bén nhạy,  
thống cảm một cách sâu xa nỗi đau khổ nguy đốn của  
nhau. Chúng ta phải tự mình **Tầm Thanh**, nghe tiếng  
quần quãi kêu la của nhau, đang dầy vô chúng ta tận đáy  
sâu của tiềm thức. Rồi chúng ta phải lao mình vào đau  
khổ để **Cứu khổ**: Cứu mình và cứu kẻ khác. Một khi đã  
thành khẩn trong tâm niệm Từ-Bi như vậy, một khi đã  
đồng hóa trong sức mạnh Từ-Bi như vậy, thì chính lúc đó,  
trong ta, Quán-thể-Ám đã hiện hiện. Ta đã tựa vào sức  
mạnh Từ-Bi của Ngài để tự cứu. Và chính Ngài đã cứu  
chúng ta. Chính lúc đó, sức mạnh Từ-Bi đã thành diệu-  
dụng, và ý nghĩa của **Linh cảm, Cứu khổ, Tầm Thanh**  
đã thành diệu dụng.

Nhưng cái gì để thúc đẩy trong việc thể-hiện sức-mạnh  
Từ-Bi. Chính đó là sức mạnh vô úy. Chúng ta phải sống  
trong vô-úy để không sợ hãi, không lùi bước trước mọi  
thử thách, mọi đe dọa, mọi biến động ngoại-cảnh cũng như  
nội tâm. Vô-úy là nơi nương tựa tinh thần, là sức mạnh  
tâm linh, để từ đó, Từ-Bi được thể-hiện. Quán-thể-Ám là  
hiện thân của Từ-Bi mà cũng là hiện thân của vô-úy vậy.

Xã-hội và dân-tộc chúng ta hôm nay đang ngự-trị bởi  
một sự thực xót xa: **Khổ đố**, gieo rắc đau khổ chính là  
những tâm niệm, những mưu lược tham đắm, cuồng bạo  
chứa đầy Quý-tính, phần lại truyền thống đạo vị của giống  
nòi. Đó là sự thực đốn đau về **Tập đố**. Vậy sứ mệnh cấp  
thiết của chúng ta là phát huy tình thương, xóa sạch oán  
thù, tẩy sạch mọi chất độc và mọi hình thái ngược lại  
truyền thống dân tộc và làm khổ đau dân tộc. Đó là **Diệt  
đố**. Có như vậy, noi theo hạnh nguyện của Đức Quán-thể-  
Ám, lấy địa ngục nhân gian làm trường hoạt-động, lấy đau  
khổ làm chất liệu phát triển tình thương, chúng ta mới có  
thể cải-tạo cuộc đời, thăng hoa xã hội trong niềm an vui từ  
hòa của **Đạo đố** được.



## thấp đuối

HÃY thấp đuối và tự mình đứng dậy  
Xóa vô minh thoa dịu những hiểm thù  
Thân - thể trăm năm thoát bổng phù - du  
Đa mang lăm, càng mù khơi bề khô  
Bề thăm mang mang thuyền ơi qua đó  
Buồm vô minh u - uất ánh chiều tà  
Từng mái chèo câu - chấp Vật và Ta  
Tâm chấp - chơi bành - bồng trong vọng tưởng  
Bến hoặc bờ mê, đâu là phương hướng  
Thuyền ơi thuyền lưu - lạc giữa đêm sâu |

Hãy thấp đuối góp cùng ánh trăng sao  
Đem ánh sáng đuổi xua nàng Sợ - hải  
Góp trí huệ đuổi xua chàng Vọng - đại  
Lấy Yêu Thương làm giọt nước Dương - Chi  
Ồi Tinh binh |Ồi cặp mắt Từ - Bi |  
Xin ban phát một nghìn câu dịu ngọt |  
Hy - mã - lạp - sơn hùng tâm chót vót  
Vượt đường đèo sơn chí với mòn gan  
Đề đi lên, với thấu đĩa trắng vàng  
Đương soi mặt xuống cõi đời tục - lụy.



Cuộc đời chúng ta, kết bằng hèn mọn  
Bằng khổ đau luân chuyển tự vòng tròn  
Từ mọn hèn, thấp sáng chút lòng son  
Trong Đâu Khô, đề thấy mình Cao Cả.

# Đạo Phật với Con Ngươi

NGUYỄN - TỊNH

**S**Ự xuất hiện của Đức Phật trong nhân thế và dưới hình thức CON NGƯỜI đã mở cho con người một kỷ nguyên mới, một chân trời mới. Một chân trời phấn khởi đầy tin tưởng trên con đường tu chứng. Đức Phật đã hoàn thành cuộc đời đạo hạnh của Ngài mà khởi điểm phát tâm là khi Ngài còn ở địa ngục A-tỳ. Ngài đã khai thị cho chúng sinh hiểu rằng mặc dù căn cơ cao thấp; trí độn dị biệt, mọi chúng sinh đều tiềm tàng sẵn khả năng hưởng thượng đế thành Phật. Cái khả năng thành Phật đó xưa nay vì vô minh vọng tưởng che lấp nên chúng sinh không nhận ra đề nhờ nó dẫn dắt trên con đường đạo hạnh. Khả năng diệu dụng đó tức là Chơn-tâm bản lai vốn thanh tịnh. Chúng sanh khó thông suốt bản lai diện mục của nó vì vô minh khác gì trần ai phủ kín tấm gương trong.

Cho nên, thiết yếu là con người phải quay về đời sống nội tâm trong tinh thần phản tỉnh đề ngộ đạt chơn-tâm đó. Đó là lý do của sự giáng thế của Đức Phật cũng như sự xuất hiện của tam tạng giáo điển. Đức Phật đã không xuất thế trong một hình thức cao xa đối với con người; Thần linh, Thần linh khó nhận biết và thông cảm những nỗi khổ đau thống thiết của thế nhân. Do đó, Đức Phật đã xuất hiện giữa cõi Ta-bà ngũ trược này dưới hình thức một con người toàn diện. Sự kiện đó không phải là ngẫu nhiên. Đó là một chủ ý và một bài học có một ý nghĩa thâm thúy thiết thực và linh động. Lại nữa, giáo lý nhà Phật tay thiên kinh vạn quyển chung quy cũng

không ngoài mục đích lý giải và khai thị Chân-tâm cho chúng sinh.

Sau khi đã đắc Đạo, Đức Phật đã chỉ dẫn cho chúng sinh những lý thuyết song hành với những phương pháp tu hành chủ trọng đặc biệt đến vấn đề thực nghiệm tâm linh để mỗi một chúng sinh tự mình điều tâm tịnh ý, quét sạch mây mù vô-minh. Sau đó mặt nguyệt đêm rằm sẽ hiện giữa khung trời thanh. Đức Phật chỉ như một vị lương y sẵn sàng chỉ dẫn những phương pháp phòng bệnh và trị bệnh cho chúng sinh. Bệnh tình có thuyên giảm hoặc dứt hẳn hay không là tùy ý chí và năng lực của chính người lâm bệnh. Tự tác tự thọ. Tự tu tự chứng. Mỗi chúng sinh phải ý thức rằng mình phải trách nhiệm lấy cuộc đời mình. Đạo Phật phủ nhận thuyết định mệnh hay bất cứ một sự an bài nào của một vị Thần-linh nào đối với thân phận của mỗi chúng sinh. Con người tạo ra thân phận mình và có thể cải tạo, thăng tiến thân phận đó. Thân phận không phải là đời đời cố định trong một tinh thần tự ty mặc cảm và bằng những tư tưởng đen tối bi quan chán nản buông xuôi tay để phó thác. Quan niệm Nhân Quả sẽ minh chứng điều đó.

Cuộc đời hiện tại của mỗi con người là kết quả của mọi hành vi, ngôn ngữ và tư tưởng của con người đó trong quá khứ. Với khả năng thức tỉnh, con người là chủ nhân ông của cuộc đời mình. Mọi tác động của thân, khẩu, ý (tam nghiệp) sẽ chi phối quyết định cho sự thọ hưởng của những kiếp lai sinh. Kinh Phật có câu:

«Dục tri tiền thế nhân kim sanh thọ giả thị.

Dục tri lai thế Quả kim sanh tác giả thị».

(Muốn biết nghiệp nhân kiếp trước, xem ngay sự thọ hưởng trong cuộc sống hiện tại. Muốn biết quả báo kiếp sau, xem ngay tác động của tam nghiệp của cuộc sống hiện tại).

Đạo Phật là một tôn-giáo mang nặng tính chất nhân

bản. Theo Đạo Phật, con người là trung tâm điểm của Xã-hội. Con người là một chúng sinh hàm chứa nhiều khả năng thăng tiến đặc thù. Con người có thể thực hiện những công quả tốt đẹp. Với địa vị không quá sung sướng cũng không quá khổ đau, con người có những điều kiện và hoàn cảnh thuận lợi cho việc tu chứng. Sướng quá thì dễ sanh tâm an dưỡng hưởng thụ và sa ngã. Khổ quá thì «cắt đầu không lên» quanh năm suốt tháng chỉ làm cầm vắn đề cơm áo. Ăn để sinh sống là vấn đề tiên quyết.

Con người không phải là Thần-Thánh (angélisme) lại càng không phải là thú vật. Con người là một động vật có lý trí. Chính cái tình trạng «trung dung» giữa Thần-Thánh và thú vật đó đã làm phát-sinh ở nội-tâm con người một thứ tình cảm đặc biệt: lòng hổ thẹn. Hổ thẹn nói theo Danh-từ nhà Phật là tâm quý nghĩa là biết hổ thẹn trước những việc làm bất-chính. Thú vật không bao giờ biết hổ thẹn bởi lẽ nó không biết phân-tính. Trái lại, một con người không biết hổ thẹn là vô-liêm-sĩ — Điều cần thiết là tình cảm hổ thẹn đó phải là một thứ tình-cảm năng động, khởi đầu cho một tình cảm năng động khác nữa. Đó là lòng hối hận và sự sám-hối. Tình cảm này phải được thể hiện bằng sự dứt khoát tu-tưởng, thể không tái phạm nhất là bằng những hành động cải tạo cụ thể. Trong ý nghĩa đó, lòng hổ thẹn chính là nguyên ủy cho sự cải quá tận tâm.

Không ai chối cãi được rằng trong cuộc sống giao-tế thường nhật, con người ít được sống với chính mình. Con người phải chuẩn bị cuộc sống cho tha nhân và vì tha nhân, ngay cả đến vấn đề tình cảm, người ta cũng phải ngụy trang để thu lợi trong việc xử thế tiếp nhân. Người nào có tài hóa trang ngụy-tạo giỏi là kẻ «văn-minh» có «trình độ văn hóa» cao. Đời nay, trở về cuộc sống nội tâm là cả một sự khó-khăn nói chỉ đến chuyện định tĩnh tâm hồn. Định-tâm là khó khăn nhưng cần thiết vô cùng. Có định-tâm con người mới nhận chân được chân-

ngụy và có những phán đoán xét xử công minh. Con người đa số vốn dĩ hiếu-động, ưa đua đòi bắt chước. Con người dễ dề xô vào những « modes », thời thượng, thời trang.

Nhưng hồn-phận của Phật-tử là phải hướng nội, phải tự mình tìm về cuộc sống nội tâm của mình. Có như thế mới mong khám phá được Ngọc - minh - Châu, mới có thể thấy được khả năng thành Phật tiềm tàng sẵn trong mỗi người. Từ đó con người mới tiệm tiến trên con đường đạo hạnh mà quả vị Phật-đà là tích điểm tối thượng.

Cũng một chúng sinh đó, chân tâm tức Phật, vọng-tâm tức chúng sinh. Đức Phật đã từng dạy: « Ta là Phật đã thành chúng sinh là Phật sẽ thành ». Câu nói đó quả đã đem lại nhiều phần khởi tin tưởng cho những ai đang cố gắng thăng hoa đời sống tinh thần.

Phải nhận rằng thân người là quý, một lần mất đi trăm ngàn vạn kiếp khó gặp lại được. Cuộc sống của con người lại ngắn ngủi, vô thường và bất trắc. Đã sinh ra trong trần thế, dù muốn dù không, con người cũng phải nhận chịu những khổ đau của kiếp người. Chúng ta không thể và không nên trốn tránh khổ đau. Muốn trốn tránh khổ đau, trước tiên con người đối-chất với khổ-đau. Một nhận thức căn bản về cuộc đời muốn trung thực, phải là một nhận-thức phát xuất từ những cảnh thực tại khổ đau. Biết chưa đủ. Điều cần yếu là phải thực hành theo những tri-thức đó, biết thể hiện chúng bằng những hành động cụ thể trong cuộc sống bình thường. Lâu dần cuộc sống được cải thiện. Đó là cuộc đời của con người được Phật-hóa.

Phải tìm về sống với mình trước khi tìm đường cùng về với đức Phật. Con người, trước tiên, phải minh tâm kiến tánh. Muốn thế phải tu tập Phật hạnh bằng thực nghiệm tâm linh, bằng thuyền-quán. Đừng có mù-quáng giao phó cuộc đời quý báu của mình cho bất cứ vị Thần linh nào. Chính con người đã tạo nên thân phận mình thì cũng chính con người mới có thể chuyển-hóa thân phận mình.

(16-6-64)

(Yêu cầu tác giả cho biết địa chỉ để gửi báo tặng, xin cảm ơn)

# b à n t a y n g à

*Kỷ-niệm ngày Khánh-Đàn  
Bồ-Tát Quán-Thế-Âm 19/6*

ĐẠ-QUANG thuật

## THĂM VIỆN NGUYÊN-THIỆU CẢM KHÁI

**C**ÙNG nhau chiêm ngưỡng cảnh Nguyên-Thiệu  
Phật tọa đời cao nét diễm siêu.

Trăm sắc hoa xinh khoe trước viện.

Một nguyên Tu-Sí tĩnh trong liêu

Mặc cho quý trắng toan gieo độc,

Đã có tay ngà độ chẳng xiêu.

Du khách lên đây lòng thoát-tục

Trầm ngâm nghe diễm tiếng chuông chiều.

*Qui Thành mùa Xuân Giáp-Thìn  
(Thúy lệ Đình)*

Bài thơ trên đây của một Thiếu-tá hiện giữ chức trong quân đội tại Qui Nhơn. Người đã đọc cho tôi nghe sau khi kể câu chuyện linh ứng dưới đây.

Câu chuyện này chính đã có một bà cụ kể lại cách hai năm trước, nhưng sở dĩ tôi chưa thuật lại một lần nào trong ngày Kỷ niệm Bồ Tát-Quán-Thế-Âm, vì tôi muốn trực tiếp nghe chính người trong cuộc kể lại để khỏi bị tam sao thất bản. Tình cờ vừa rồi Thiếu-tá đến thăm Ni-viện tại Nha trang tôi nhớ và hỏi thì được Thiếu-tá vui vẻ thuật lại rõ ràng. Hôm nay để Kỷ niệm ngày mẹ về trên đất nước, tôi chép lại đúng nguyên văn hầu mong góp thêm một phần tin tưởng trong vô số niềm tin tưởng

của tất cả Phật-tử chúng ta không nhiều thì ít đã được mẹ hiền che chở nâng đỡ trên cuộc đời sóng gió...

... Năm ấy tức là năm Đinh-Hợi tháng 4-1947. Tôi đang làm việc tại huyện Lệ-Thủy, tỉnh Quảng-Bình, khi nghe tin quân đội Pháp đổ bộ có lệnh tản-cư thì mạnh ai nấy chạy nghĩa là lính tráng, người giúp việc, tôi cho giải tán hết, còn lại hai vợ chồng và năm đứa con, nhà tôi đang có thai, chúng tôi bồng bế nhau từ giả huyện Lệ-Thủy đi từ chợ Tréo (thuộc làng Cổ liêu) xuôi lặn về các làng xa hơn để tránh nạn quân Pháp, ra đi không xe không đồ. Xưa nay nhờ phước báo, tuy không giàu có chi, nhưng một bươc là một xe, chưa từng nếm mùi tản khổ, năm ấy lăm vào cái cảnh lên voi xuống ngựa khuyển cảm thấy khổ gấp năm gấp mười những bạn quen cảnh lăm than, vợ chồng chỉ còn biết nhìn nhau chan lẹ, thay nhau bồng bế hai đứa con nhỏ, dắt theo ba đứa con lớn, giang sơn sự nghiệp thâu gọn vào vốn vẹn hai cái vali còn con mà mang cũng không muốn nổi.

Chúng tôi bắt đầu ra đi từ khi gà gáy mãi xam xam tối mới đến một con sông rộng thì lại không có một chiếc đò nào cả, những bạn tản-cư cùng đường họ đều có chỗ định về để về, còn chúng tôi đang hoang mang chưa biết đi đâu, mặc dầu cách mấy người trước chúng tôi đã định qua tránh tại một làng khác, nhưng sau làng ấy bị tàn phá dữ nên lại thôi.

Cả gia đình chúng tôi đành ngồi liêu bên bờ sông, sau lưng thúc những tiếng súng vang dữ dội báo tin quân Pháp gần áp đến làm chúng tôi càng kinh khủng, một vợ mang hai nghén năm con còn thơ dại nhìn con sông rộng thênh thang, giữa quãng đường hoang vu bờ ngõ không có một bóng người, bóng nhà, không cả tiếng chó sủa, cảnh tượng thật vô cùng đìu hiu đến bi đát ghê rợn cả người. Tôi không dám lộ cho nhà tôi biết nỗi lo âu của mình để trấn tĩnh cho nhà tôi; nhưng chính nhà tôi cũng dấu nỗi sợ hãi

để yên lòng tôi, anh hùng mạc lộ đến đây là cùng. Trong lúc đang khùng hoảng tinh thần tôi đã có ý nghĩ cuồng loạn là nếu quân Pháp áp đến thì toàn gia nhảy ùm xuống sông cho yên.

Trời càng khuya hơi nước sông lên đã bắt đầu cảm thấy ớn lạnh, nhất định không phải cái lạnh bởi nước sông của ngày đầu hạ, mà có lẽ cái lạnh của tử địa tử khí dưới màn đêm bốc lên ám ảnh lòng tôi. Mấy trẻ vô tư đã nằm lăn trên cỏ ngủ đi, vài ba cháu sau khi được ăn mấy củ khoai hầm bụng. Vợ chồng tôi và hai cháu lớn còn biết nhìn nhau, không ai nói với ai được câu gì.

Trong lúc vô kể khả thi, bỗng tôi nhớ lại ngày nhỏ thỉnh thoảng được nghĩ học theo hầu bà nội tôi lên chùa nghe bà nội tôi dạy khi nào có gì nguy hiểm thì niệm Bồ Tát Quán-Thế-Âm, kêu cầu, Ngài sẽ cứu cho. Xin thú thật, lớn lên những lúc bình yên thì tôi rất nhẹ về tin ngưỡng, chính tôi tự nhận như thế là mất căn bản, nhưng đây là một thông bệnh của hàng thanh-niên như tôi ngày trước khi Phật-giáo chưa được hưng thịnh như bây giờ, may phước khi nguy cấp tôi bỗng nhớ lại lời bà nội dặn nên tôi chuyển sự nghĩ liên-miên về niệm danh hiệu Bồ-Tát Quán Thế-Âm.

Là con đường cùng tôi đặt hết tin-tưởng vào Ngài, tha thiết kêu cầu Ngài cứu khổ cứu nạn cho gần tám mạng người vô tội; và đồng thời khi ấy nhà tôi cũng buột miệng bảo các con đừng khờ hãy chấp tay niệm: Nam-mô Tầm-Thanh Cứu khổ Cứu nạn Linh cảm Quán Thế-Âm Bồ-Tát. Thế là tất cả chúng tôi đồng chấp tay niệm danh hiệu Ngài, nhờ niệm to và ai nấy đều chí-thành chí-khẩn nên quên cả tiếng súng đi dưng liên tiếp sau lưng.

Vào khoảng 11 giờ khuya, bỗng nhiên một chiếc đồ đầu trong bụi tre rậm lù lù nhỏ ra, dưới bóng trăng mờ mờ, chúng tôi tưởng như mình chiêm bao, thì dưới đó



một ông lão nhua lên hỏi: có qua đó không? — Các con tôi mừng nhao lên, tay ngoắc miệng kêu tíu tíu. Ông lão ghé dò vào bờ. Song đây không phải bến dò nên chúng tôi bồng bễ diu dặt ahau xuống một giốc khá khó nhọc. Đây là một chiếc dò nan còn con chỉ dùng chừng bốn, năm người, nay cả gia đình tôi đến bảy mạng, phần các con tôi chưa hề đi thuyền nên chúng cứ xoay qua trở lại nhúc nhích luôn, làm chiếc dò chổng chành đáng sợ, lại nghe ông lão bảo nơi đây nước rất sâu. Chúng tôi tạm gọi vừa thoát nạn Pháp rượt, lại đến nỗi lo chìm dò thật đúng như lời Phật dạy: Khổ thượng gia khổ, tuy đã ngồi được vào lòng dò, chúng tôi cũng bảo các con nhất tâm niệm danh hiệu Bồ-Tát không hở. Dò bắt đầu quay lái, chúng tôi chưa kịp bảo gì, ông lão cất tiếng: đề tôi đưa ông bà qua bên làng Liêm-Thiện mà tránh, ở đấy yên ổn lắm.

Nhà tôi thật thà hỏi: đây qua Liêm-Thiện gần hay xa? Bác lấy bao nhiêu? ông lão thân nhiên đáp: bao nhiêu cũng được. Tôi hơi ngạc nhiên câu trả lời của ông lão, vì đồng bào ở các miền này tôi quá biết là có những người họ không bỏ lỡ những cơ hội bất bi để làm tiền, nay nghe ông lão trả lời thật là giải thoát, tôi lấy làm lạ nên để ý nhìn kỹ, tuy dưới trăng mờ tôi cũng nhận được ông lão trạc ngoài 60, mặt mày phương phi khỏe mạnh, mặc áo cộc quần dài màu nâu sẫm. Tiếc vì trong lòng chúng tôi lúc ấy như mở bong-bong nên cũng chẳng chuyện trò gì với ông lão cả. Qua dòng sông rộng, ông lão lái thuyền vào một cái lạch con, chèo lanh tay thêm một đoạn thì đến bến, tôi nhìn đồng hồ vừa đúng ba giờ sáng. Xa xa đã có tiếng gà xao xác. Ông lão bảo: Đây là địa phận làng Liêm-Thiện ông bà lên đây tìm nhà trú ngụ sẽ được vô sự. Tôi cảm động đưa ra 30\$ để tạ ơn ông lão, nhưng vì ông ở đằng sau lái tôi nói với: thưa bác chúng tôi xin cảm ơn bác nhiều lắm và xin kính bác 30\$, ông lão vẫn giọng thân nhiên: « được », ông cứ

để dâng mũi thuyền cho tôi, lấy cái gàu mà chặn lại kẻo gió bay. Chúng tôi bồng bề nhau lên bờ vừa khuôn mấy đũa con và hai cái vali để trên đám cỏ gần bờ tre, chúng tôi còn định xuống để cám ơn ông lão một lần nữa, nhưng khi nhìn lại thì không thấy dò đâu cả, tự nhiên tôi rung mình, nhà tôi cũng thế! Vì khi dò rẽ vào cái lạch thì không xa bao nhiêu cũng không có một bụi lùm nào rậm rạp cả, trời lại có trăng, tại sao chiếc dò lần biển vào đâu? Hiện giờ kể lại tôi cũng còn thấy tất cả sự việc in như trước mắt, kinh dị và cảm động chúng tôi cùng nhau quý ngay tại chỗ, hướng về dòng sông đánh lễ ông lão mà chúng tôi đều một ý nghĩ là đức Phật bà Quán-Âm hiện ra để đưa đây gia đình chúng tôi qua cơn tai biến, câu chuyện này tôi đã kể lại cho nhiều anh em bạn nghe, thật là một việc ly kỳ. Song có người họ không đồng ý cho tôi tin ông lão ấy là Phật bà Quán-Âm hiện ra họ bảo: có gì đâu đấy là một việc tự nhiên, biết chừng đâu ông lão ấy là một ông câu cá đến giờ đó ông cuốn câu về nghĩ thế thôi, có gì mà thần thánh hóa quá thế!

Tôi rất phàn nàn cho những người như thế, họ là người sợ mang ơn huệ, hay tìm nhiều lý luận để phủ nhận những gì ân huệ vương vấn trong lòng họ, đến như cha mẹ họ cũng dám có một lý luận rằng, cha mẹ chỉ vì dục lạc rồi sanh con, sanh ra thì phải nuôi cái lẽ như vậy, đều là lý đương nhiên chẳng cần phải quan tâm.

Tôi dám ngán những người như họ, nên từ đấy tôi chẳng còn hào hứng kể lại câu chuyện này với ai nữa. Thiếu tá tiếp: Riêng tôi, tôi nghĩ: nếu như không phải đức Bồ-tát Quán-thế-Âm hiện thành ông lão ấy đi nữa, thì cái sự dun dủi cho ông lão đến kịp thời để đưa gia đình chúng tôi thoát cơn khủng khiếp cũng là một sự nhiệm mầu rồi, vì cứu cả gia đình chúng tôi thoát sự sợ hãi chết chóc là lý do chính, tôi chẳng cần biện luận nhiều với họ phải không thưa Sư-có?

— Tôi rất phục lời của Thiếu-tá. Thật ra người biết niệm ơn thì đi một cước xe, mặc một chiếc áo cũng vẫn niệm ơn, còn người không biết ân thì thật bất túc luận.

**Bị chú:** Quý trắng: một nhóm người thường mặc áo trắng thừa lúc Phật-giáo bị đàn áp, đến đập phá viện Nguyên-Thiền  
Tay ngà: chỉ đức Bồ-Tát Quán-thế-Âm

# NGÀNH GIÁO DỤC

## Của Phật-Giáo Nhật Bản

THÍCH-THIỆN-ÂN

\*

NHẬT-Bản là một quốc-gia mà một đại đa số dân-chúng là Phật-tử. Phật-Giáo được truyền vào Nhật-Bản từ những thời-dại xa-xưa và đã ăn sâu gốc-rễ vào tâm-hồn và đời sống của người Nhật. Sở dĩ được như thế là nhờ Phật-giáo Nhật-Bản đã áp-dụng theo một chương-trình giáo-dục rất tiến-bộ và phổ-biến.

Phật-Giáo ở Nhật ngoài tinh-chất quốc-tế, còn đặt trọng điểm vào tinh-thần quốc-gia. Do đó, nên các trường học của Phật-giáo ở Nhật luôn luôn đi sát với chương trình giáo-dục của quốc-gia, dù có nhiều sắc-thái chuyên-môn tôn-giáo hơn các trường khác. Cũng vì thế nên bất cứ một học sinh hay sinh-viên vào tốt-nghiệp ở một trường Phật-giáo cũng có một giá-trị và bằng cấp tương đương như các trường quốc-lập và tư-lập khác. Đó là đặc điểm tôi muốn nhấn mạnh ở bài này.

Theo với chương-trình giáo-dục quốc-gia, trong ngành giáo-dục của Phật-giáo Nhật Bản cũng có chia thành 6 cấp-bậc khác nhau như sau: Ấu-Tri-Viện (2 hoặc 3 năm), Tiểu-học (9 năm), Trung-học (3 năm), Cao-dăng (3 năm) Đại-học (4 năm) và Đại-học-viện (M. A. 2 năm, Ph. D. 3 năm).

Ấu-Tri-Viện là trường học dành cho trẻ em từ 3 đến 6 tuổi đến học; Tiểu-học là từ 6 đến 12 tuổi, Trung-học là từ 12 đến 15 tuổi; Cao-dăng là từ 15 đến 18 tuổi, Đại-học là từ 18 đến 22 tuổi; Đại-học viện là từ 23 tuổi trở lên.

Cũng như câu ca dao của người Việt-Nam là « Dạy con là dạy từ thuở nên ba », người Nhật-Bản nhất là ngành giáo-dục của Phật-giáo Nhật-Bản rất chú-trọng ở phương-diện này. Hầu hết các chùa ở Nhật có ít nhất là một Ấu-Tri-Viện và phần nhiều đều do các Ni-cô hoặc các Nữ Phật-tử chăm-soi. Chính những đấng tánh hiền-hòa tận-

tuy, những câu chuyện Phật-pháp nhỏ do các Nữ giáo-viên này kể lại cho các em nghe dễ gieo vào trong tâm-hồn của trẻ em một ảnh-hưởng sâu-dậm, khó có thể xóa-nhoà được.

Ở Nhật-Bản, Tiểu-học và Trung-học là thuộc về nghĩa-vụ giáo-dục của quốc-dân, vì thế tất cả trẻ em kể đến tuổi là bắt-buộc phải đi học cho xong ở 2 bậc này. Các trường Tiểu Trung-học Phật-giáo đã giúp một phần rất quan-trọng trong việc đưa cao tỷ-số dân Nhật lên đến 99% 80 thi-hành nghĩa-vụ công-dân giáo-dục này, tức là nghĩa-vụ đi học 9 năm (6 năm Tiểu-học, 3 năm Trung-học). Các trường Cao-dăng Phật-giáo cũng thế. Theo các Báo-chí ở Nhật thì hiện giờ trong số 100 người Nhật đã có 64 người tốt nghiệp Cao-dăng, tức là trình-độ toàn-phần Tú-Tài ở Việt-Nam.

Cũng nên nhắc lại ở đây rằng : Hiến-pháp của Nhật hiện thời là áp-dụng theo tinh-thần tự-do dân-chủ. Trong hiến-pháp này, vấn-đề tự-do tín-ngưỡng và bình-dẳng tôn-giáo được tuyệt-đối tôn-trọng. Vì thế ở trong chương-trình giáo-dục ở bậc Tiểu-học, Trung-học và Cao-dăng, chúng ta không thấy các môn học về tôn-giáo, và nếu có chăng nữa thì chỉ có áp-dụng tinh-thần tôn-giáo vào các môn học thuộc về luân-lý, đạo đức hay công-dân giáo-dục mà thôi.

Những trường do Phật-giáo thiết-lập cũng thế, tuy nhiên phần nhiều các Giáo-sư là các vị Tăng-già và tín-đồ Phật-giáo, nên họ có thể phối-hợp tinh-thần của Phật-giáo vào tất cả các môn khác, nhất là ở các các môn về lịch-sử và Văn-học Nhật-Bản thì lại có nhiều dịp giảng-dạy về Phật-giáo hơn. Ngoài ra, ở những ngày lễ Phật-giáo, những buổi lễ kỷ-niệm của trường cũng thường tổ-chức những buổi giảng công-cộng về Phật-giáo.

Nếu ở Việt-Nam, các trường Trung Tiểu-học Bồ-Đề, nhất là các trường Trung-học Đệ-nhi-cấp được thành-lập nhiều hơn trên toàn-quốc thì không những Phật-giáo đã giúp ích thiết-thật cho quốc-gia trong việc nâng cao trình-độ dân-trí, mà còn có lợi ích rất nhiều trong việc truyền-bá phổ biến tinh-thần từ bi bình-dẳng cho các lớp người thanh-thiếu-niên, tương-lai của nòi-giống nữa.

Riêng ở bậc Đại-học, nhất là ở các trường Đại-học Phật-giáo thì giáo-lý Phật đã được giảng-dạy thường xuyên hơn. Các Đại-học Phật-giáo được xây-dựng nhiều nơi trong các thành-phố và tỉnh-lỵ lớn ở Nhật-bản. Riêng ở thành-phố Tokyo cũng đã có ít nhất là 4 Viện Đại-học Phật-giáo lớn và danh-tiếng rồi. Đó là Viện Đại-học

Komazawa Taisho, Rissho và Toyo (Viện Đại-học Toyo hiện có một vị Tăng Việt-Nam là Đại-Đức Thích-Mãn-Giác đang học, Viện Đại-học Komazawa thì có Ni-cô Mạn-Đà-La đang học.)

Đề có một khái-niệm rõ ràng về cách thức tổ-chức của các Viện Đại-học Phật-giáo ở Nhật, tôi xin giới-thiệu ra đây một Viện đề làm điển-hình. Viện Đại-học tôi muốn đề-cập ra đây là Viện Đại-học Komazawa.

## I. — CÁCH-THỨC TỔ-CHỨC

Viện Đại-học Komazawa thiết-lập theo tinh-thần của tôn-phái Zen, tức là Thiền-tôn ở Việt-Nam. Trong Viện Đại-học này có chia làm 3 cấp: Đoàn-kỳ Đại-học, Đại-học, và Đại-học-viện.

1) Ở bậc Đoàn-kỳ Đại-học (College, 2 năm) có chia làm 3 chuyên-khoa: Phật-giáo, Văn-học Nhật-Bản và Văn-học Anh-Mỹ.

Ở bậc Đại-học (University, 4 năm) có chia làm 5 học-bộ (Department) là Phật-giáo, Văn-học, Thương-nghiệp, Kinh-tế và Luật-học. Ở Phật-giáo học-bộ thì có cấp-bằng B. A. (Cử-Nhân) về các ngành Truyền-học, Phật-giáo và Tôn-giáo Triết-học. Ở Văn-học - bộ thì có cấp bằng B. A. về các ngành Triết-học, Nhật-Bản Văn-học, Trung-Hoa Văn-học, Anh-Mỹ Văn-học, Xã-Hội-học, Lịch-sử-học và Địa-lý-học. Ở Thương-mại học-bộ thì có cấp-bằng B. A. về ngành Thương-mại (Commercial Sciences). Ở Kinh-tế học-bộ thì có cấp bằng B. A. về ngành Kinh-tế (Economics). Ở Luật-học-hộ thì có cấp bằng B. A. về ngành Luật-học.

3) Còn ở bậc Đại-học-viện (Post-graduate Course) thì có các lớp chuyên-khoa như Phật-giáo, Triết-học, Nhật-bản Văn-học, Xã-hội học ở lớp Cao-học (Master's Course). Riêng ở lớp Tiến-sĩ (Doctor, Course) thì chỉ có 2 lớp về Phật-giáo và Văn-học Nhật-Bản mà thôi.

Ngoài ra, trong Viện Đại-học Komazawa này lại có các tổ-chức và học-hội nghiên-cứu về các ngành như Triết-học Phật-giáo, Văn-học Zen, Tôn-giáo Xã-hội, Văn-học Cổ-diễn v. v. .

## II. — LỊCH-TRÌNH PHÁT-TRIỂN:

Viện Đại-học Komazawa này trong mùa Thu năm 1962 đã làm lễ kỷ-niệm chu-niên lần thứ 80. Viện Đại-học này được thành lập từ năm 1759. Khi mới bắt đầu thành-lập, Viện chỉ là một học viện nhỏ gọi là Chiền Đản-Lâm (Sendarin), đặt tại vùng Komagome, Tokyo, Mục đích của học-viện này lúc sơ-khởi là đề nghiên-cứu và

giảng dạy về 2 ngành Triết-học Zen và Văn-học Trung-Hoa cho những vị Tăng Ni trẻ tuổi thuộc về phái Zen Tào-Động (Soto) Ở thời ấy học-viện này tuy nhỏ nhưng cũng có một giá-trị tương đương như học-viện Shoheiko ( quốc-lập), khai-thi (predecessor) của Viện Đại-học Tokyo bây giờ.

Ở năm 1882, học-viện Chiền-Đàn-Lâm này di-chuyên đến vùng Azabu-ku, Tokyo, và đổi tên là Tào-Động Đại-học-Lâm (Soto Daigakuin). Có thể nói đây là một Viện Đại-học Phật-giáo đầu tiên ở thành-phố Tokyo.

Vào khoảng năm 1905, học-viện này lại đổi tên một lần nữa, gọi là Tào-Động-Tôn Đại-học (Soto Sect University). Tuy thế, đến năm 1925, mới trở thành một Đại-học thực-thụ, gồm có nhiều phân-khoa. Từ đó, đổi tên là Câu-Trạch Đại-học (Komazawa University) và tiếp tục đến bây giờ. Với quy-chế giáo-dục mới của Nhật-Bản, Viện Đại-học Komazawa này được Chính-phủ và quốc-dân thừa nhận là một Đại-học tổng hợp và danh-tiếng kể từ năm 1949.

### III.— NỀN-TANG TINH-THẦN :

Zen là nguyên-lai, là kết-tinh của nền văn-hóa truyền-thống Đông-phương. Viện Đại-học Komazawa này được thành lập trên nền-tảng tinh-thần của Zen với mục-dịch là làm cho sự học và sự hành được đi đôi cân-xúng với nhau. Dựa vào lịch-sử và tinh-thần của Zen, Viện Đại-học Komazawa từ trước cũng như bây giờ, luôn luôn hướng dẫn các giới Sinh-viên trong việc khảo-cứu và phát-huy văn-hóa của cả Đông-phương và Tây-phương qua các lãnh-vực tôn-giáo, triết-lý, tu-tướng, văn-học, nghệ-thuật, xã-hội v.v..

Để đạt đến mục-dịch trên, Viện Đại-học Komazawa thường cố gắng đào-luyện cho các giới Sinh-viên qua 4 phương-châm là Tin (Faith), Thành (Sincerity), Kính (Respect) và Ái (Love).

Muốn cho sự nghiên-cứu học-hỏi của Sinh-viên được đi đôi với đời sống thực-tại, Viện Đại-học Komazawa thường có tổ-chức những lớp đặc biệt để giảng-dạy và hướng-dẫn Sinh-viên tu-tập Thiền-dịnh (meditation). Mục-dịch của phương-pháp này là đào tạo các giới Sinh-viên trở thành những người tốt, hữu-ích cho quốc-gia và xã-hội, kể cả nền văn-hóa truyền-thống của dân-tộc mình.

### IV.— ĐIỀU-KIỆN NHẬP-HỌC : (QUALIFICATIONS FOR ENTRANCE)

Cũng như tất các viện Đại-học quốc-lập và tư-lập khác ở Nhật-Bản, đại-phần Sinh-viên nào muốn nộp đơn dự thi vào học ở Viện Đại-học Komazawa này cũng phải có đủ một trong những điều-kiện sau đây

- 1) Tốt-nghiệp Cao-dăng (tức là Tú-Tài toàn-phần ở Việt-Nam)
- 2) Đã học 12 năm ở các học-đường theo chế-độ giáo-dục mới của Nhật-Bản.
- 3) Đã học 12 năm ở các học-đường của ngoại-quốc,

#### V. — SỐ SINH-VIÊN :

Viện Đại-học Komazawa này dần dần trở thành một Đại-học rất danh tiếng, nhất là về ngành Phật-giáo và Zen, bởi lẽ đó số Sinh-viên nộp đơn dự thi vào học ở đây mỗi năm một đông thêm. Những năm gần đây số Sinh-viên nộp đơn dự thi vào học ở đây đã lên đến 7.000. Đại-khái số Sinh-viên đang tòng-học ở Viện Đại-học Komazawa này độ gần 15.000, kể cả nam và nữ Tăng và Ni ở các bậc Đoàn-kỳ Đại-học, Đại-học và Đại-học-viện.



Ở Nhật-Bản, ngoài Viện Đại-học Komazawa này, còn có rất nhiều Viện Đại-học Phật-giáo khác nữa, do đó hầu hết các vị Tăng-già Nhật-Bản đều được huấn-luyện và học-tập trong các Viện Đại-học này, và các hàng Tín-đồ khác cũng thế. Họ có một trình-độ hiểu biết giáo-lý rất sâu-xa và đã biết cách áp dụng tinh-thần Phật-giáo vào trong mọi sinh hoạt hằng ngày. Phật-giáo ở Nhật là một nền Phật-giáo canh-tân và thực tiễn. Phật-giáo luôn luôn đi sát với đời sống của quốc-gia và xã-hội, vì thế sự có mặt của Phật-giáo rất cần-thiết cho xã-hội Nhật-Bản, không những ở các thời-đại xa-xưa, mà còn ngay ở trong cuộc đời văn-minh tân tiến của họ bây giờ nữa.



Dựa vào các đoạn trên, nhất là dựa vào lịch-trình phát-triển của Viện Đại-học Komazawa, chúng ta thấy rằng: Viện Cao-dăng Phật-học Saigon hiện tại rất có nhiều hy vọng biến thành một Viện Đại-học Phật-giáo ở tương-lai, nếu được toàn-thể các giới Phật-tử trong nước và ngoài nước ủng-hộ, nhất là được sự tán-trợ và giúp đỡ của Chính-phủ Việt-Nam và các nước bạn.

Đi song song với các trường Trung-học Bồ-Đề, nếu Phật-giáo Việt-Nam thành lập được một Viện Đại-học Phật-giáo và tổ-chức quy mô như Viện Đại-học Komazawa mà chúng tôi đã sơ-lược trình-bày trên thì chúng ta có thể tin chắc rằng: Ở một tương-lai rất gần đây,

cũng như Nhật-Bản. Phật-giáo Việt-Nam cũng sẽ đào tạo được một lớp người lý-tưởng để phục-vụ quốc-gia và xã-hội, và khi đó thì những tà-thuyết dị-doan không thể nào được lan rộng trong xứ này nữa.

Ngoài ra, nếu thành lập được một Viện Đại-học Phật-giáo thì không những Phật-giáo Việt-Nam đã giúp ích hữu-hiệu cho quốc-gia trong việc nâng cao trình-độ dân-trí và đào-tạo nhân-tài, mà còn có thể đóng góp một phần rất xứng-đáng trong việc làm đổi-đào thêm nền văn-hóa của quốc-gia và thế-giới nữa.

---

*Thơ*

## HƯƠNG VỀ TỪ MẪU \_\_\_\_\_

Hương trầm bay  
Ngát trời xuân Đạo Hạnh  
Từ si mê, con thành khẩn hương về đây  
Nghiêng mình đánh lễ  
Quan Thế-Âm! con khát chờ tiếng Mẹ  
Quan Thế-Âm! con kính tưởng đã bao ngày  
Chốn nhân gian u tối sâu dày  
Mẹ ban ánh sáng  
Chốn trần gian tội lỗi ham đầy  
Mẹ thường khuyên cản  
Ôi, đàn con nhờ Mẹ, bớt điên say  
Hương trầm bay  
Ngát trời xuân Đạo Hạnh  
Mẹ buông hoa cho cõi thế đẹp hôm nay.

*Tuệ - Mai*  
Saigon 1964



# CUỘC VẬN ĐỘNG

THÍCH TRÍ-QUANG

*của Phật-Giáo Việt-Nam*

GIAI ĐOẠN PHÁT KHỞI

## CHƯƠNG 3

**Nguyên nhân cuộc vận động của Phật-giáo Việt-Nam (chính sách kỳ thị Phật-Giáo VN)**

*(Tiếp theo)*

Những nét sơ lược về lại chính-sách kỳ thị Phật-giáo Việt-Nam của chế độ Ngô-đình-Diệm.

Dưới đây là nội dung và hình thức của chính sách kỳ thị Phật-giáo Việt-Nam dưới chế độ nguyên Tổng thống Ngô-đình-Diệm, thể hiện qua những nét phát họa và diễn hình mà thôi vì chính sách ấy đã đạt đến mức độ mô tả không xiết.

### I. - PHẦN VĂN KIỆN (1)

1) Giáo sư Bửu-Hội, trong giác thư gửi các phái đoàn tham dự Đại hội đồng Liên-hiệp-quốc, nêu lên 4 điểm

chứng minh chế độ nguyên Tổng-thống Ngô-đình-Diệm không kỳ thị Phật-giáo, điểm thứ 1 nói rằng «hiển-pháp bảo-đảm tự-do tin-ngưỡng». Nhưng ngay trong bản hiển-pháp đó, lời nói đầu đã viết «hoàn thành sứ mạng trước đấng tạo hóa», câu đó tại các quốc-gia Á-đông như Việt Nam là một, không thể có ý nghĩa gì khác hơn là dụng ý đề cao và chỉ thừa nhận Thiên-chúa giáo (2).

2) Với đạo Dự số 10, một văn kiện được chế độ Ngô-đình-Diệm lưu dụng và «chiếu chi» nhiều nhất.

(1) Nguyên văn phần này rút trong bản điều trần của tác giả gửi Liên hiệp quốc.

(2) Nếu Thiên-chúa-giáo vẫn tiếp tục gọi là «công giáo» một cách vì thói quen thì ít mà vì gián tiếp chứng tỏ Thiên-chúa-giáo là tôn-giáo công, còn các tôn-giáo khác chỉ là lật vặt.

Phật-giáo và hết thấy các tôn giáo khác đều bị liệt vào chế độ hiệp hội, ngang hàng với các hội tầm thường như những hội thương-mại, những hội thể-thao, hay các hội giải trí hạ đẳng và các du hí không đáng gọi là một hội. Trái lại, cũng đạo Dự đó, cao Thiên-chúa giáo hưởng một « chế độ đặc biệt ». Trong giác thư của giáo-sư Bửu-Hội, điểm thứ 2 nói chính-quyền Việt-Nam không bao giờ có chính sách kỳ-thị Phật-giáo, nhưng, với văn kiện Dự số 10, không những Phật-giáo bị kỳ-thị mà chính quyền nguyên Tổng-thống Ngô-đình-Diệm còn kỳ-thị hết thấy tôn giáo khác nữa, ngoài Thiên-chúa giáo (3)

## II. — PHẦN SỰ TRẠNG (4)

Sự trạng diễn ra bởi chính sách kỳ-thị Phật-giáo của chế độ nguyên Tổng-thống Ngô-đình-Diệm thì, khỏi nói, khó mà mô tả cho đầy đủ. Sự trạng đó, đa số vì lợi dụng và lạm dụng tiếng nói của dân chủ và hoàn cảnh chiến tranh mà đã biến ảo ly kỳ. Nhưng chỉ ly kỳ hình thức tuối, chủ trương của chính sách kỳ thị Phật-giáo lại chính vì thế mà rõ rệt đến

nổi trặc giác cũng cảm nhận rõ ràng. Những sự trạng dưới đây chưa phải là bản thống kê mà chỉ là điển hình. Tôi sẽ nói đến những sự trạng điển hình này qua hai phương diện: chính sách của chính-phủ và chính sách của chính-phủ đối với Phật-giáo.

### Chính sách kỳ thị Phật giáo của chính phủ

A. — Về chính trị, chính sách kỳ thị Phật giáo của chế độ cũ biểu lộ qua những sự trạng đại thể dưới đây :

1) Gieo thêm định kiến bằng định thức tuyên truyền « Phật giáo là cộng sản ». Cộng sản nhất là, theo họ, Phật giáo thuần túy : phục vụ dân chúng theo nghĩa vụ tôn giáo, khuyến cáo Phật tử về nghĩa vụ công dân chứ không

(3) Trong một tài liệu mang tên « vấn đề Phật-giáo tại Việt-Nam Cộng-hòa » thuyết trình ngày 24-10-1963 do chính-quyền nguyên Tổng-thống công bố, có một đoạn biện minh về Dự số 10 (trang 6 đến 10) nhưng chính sự biện minh đó càng chứng tỏ, thêm một lần nữa, dã tâm của chính quyền ấy. Tài liệu này có lẽ sẽ được ấn hành trong tập 3, nói về cuộc vận động của Phật-giáo Việt-Nam.

(4) Coi chú thích số 1.

phải điều khiển như một khối chính trị, không ủng hộ theo cái nghĩa làm tay sai, không lợi dụng và khuynh loát chính quyền dưới những nhãn hiệu tích cực ủng hộ chính phủ và chống Cộng. « Phật-giáo là Cộng sản » chiếc mũ ấy đã chụp lên đầu Phật giáo là đàn áp thẳng tay, toàn diện và « rất có lý »

2) Phật tử bị liệt vào giai cấp phụ thuộc. Vì Phật tử là đa số nên họ có đa số trong cả 3 khối là dân chúng, chính quyền và quân sự. Họ cũng có thể có địa vị cao. Nhưng đa số và cao-cấp mà vẫn vô quyền, do đó mà cũng biến thành vô trách nhiệm. Chế độ cũ cố cải chính rằng tiêu chuẩn bổ dụng và thăng thưởng trong hai giới quân chính không theo tin ngưỡng nhưng trong khẩu lệnh, công văn mật và nhất là trong thực tế công khai, điều đó lại là chú ý và chủ trương rõ ràng nhất của chế độ cũ. Trong chế độ cũ, điều làm cho người ta ngạc nhiên và khá thán phục là nếu có một ông lớn nào lớn mãi và lâu năm mà vẫn không rửa tội.

3) Nhưng quan trọng nhất là ý thức « lợi dụng chiến tranh ». Cộng sản, tay sai

cộng sản, thân cộng, phá rối an ninh, tất cả mọi sự vụ khổng này cốt để đàn áp Phật tử và đối lập chứ không thấy để diệt cộng — vì ngay phía chính quyền đàn áp, người ta khó mà phân biệt được trong công an, mật vụ, võ trang nhân dân, cảnh sát chiến đấu, an ninh quân đội và phòng nghiên cứu chính trị ai là Cộng và ai chống Cộng, kể cả những ông giám đốc và chủ sự : chính những người quan trọng bên kia bấy giờ cũng quan trọng bên này, chính những kẻ vạch kế hoạch đi bắt, tra tấn, lấy cung, hầu hết đều là những người bên kia bắt về, hoặc về qui chính, và họ rất được ngợi khen làm việc có kế hoạch và giỏi. Nhưng không phải lợi dụng chiến tranh chỉ là lợi dụng cán bộ đối phương. Lợi dụng chiến tranh là chủ trương lợi dụng ngay tình trạng chính chiến mà vu khống và đàn áp Phật tử (có nghĩa là đàn áp dân chúng). Phật tử cũng như dân chúng, chết vì chiến tranh không ít mà chết vì sự lợi dụng chiến tranh cũng không kém. Kẻ bị đàn áp, vô cùng uất hận, và uất hận rất có lý, là vì ý thức lợi dụng chiến tranh trong sự đàn áp đó. Tôi cũng

phải nói thêm, chính ý thức lợi dụng chiến tranh trong sự đàn áp còn mạnh mẽ và dữ dội hơn cả ý thức lợi dụng dân chủ, cũng là một hình thức vu khống và đàn áp một cách mỉa mai mà nạn nhân cũng không phải ít.

B. — Về công an, trong đó có tư pháp, những điển hình rõ ràng nhất là:

1) Tư pháp, mà tòa án là biểu tượng đáng nói, thì chỉ được dùng rất ít và bao giờ cũng «theo ý Cố vấn». Ở đây còn như là nơi giải thoát vì dưới chế độ cũ, sự đưa ra tòa án, đối với sự không đưa ra tòa án, là được chứ không còn là bị nữa! Nhưng tòa án bị ẩn khuất gần như ẩn khuất hẳn vì công an và mật vụ. Rồi công an còn hơn mật vụ, mật vụ liên hệ công an còn hơn mật vụ của cổ vấn, mật vụ đặc biệt; sa vào lưới giăng của loại mật vụ này — và lưới giăng đó xem ra không kém cái mà người ta nói về «công an nhân dân» — thì thật là biển ảo và khiến dân chúng, trong đó đa số là Phật-tử, oan khuất đến nỗi phải có một đảng Thượng đế mới may ra biết rõ.

2) Công an, kể cả tòa án,

là biểu tượng rõ ràng nhất của ý thức lợi dụng chiến tranh. Ở đây, Phật-tử và dân chúng đã có sẵn một tội danh và một tội án thường trực: «tội Cộng sản». Lý do bắt bớ, giam cầm, tra tấn và thù tiêu, kể cả việc đưa ra tòa là «ghét», và ghét nhưng hành động rất dễ vì đã có tội danh và tội án thường trực là «Cộng-sản», vì đã có một công thức sẵn đề hợp thức hóa tội án và tội danh đó. Đau thương nhất cho Phật tử và dân chúng là toàn thể hệ thống của chế độ cũ, đặc biệt là công an và mật vụ chỉ xuất từ ý muốn và khẩu lệnh rất bừa bãi, lời dinh, thiếu bình tĩnh và mất nhân tính, của tối đa là 5 người, mà cả một hệ thống quân chính, trong đó có công an, mật vụ và cân lao, lo làm sao cho vừa lòng; chính đó là hình tượng của hung thần công an, voi một bàn tay sắt không lồ, xiết chặt lấy dân tộc Việt Nam, trong đó nạn nhân là đại đa số Phật-tử, không vì lý do gì gì khác hơn là bị ghét vì khác tín ngưỡng.

3) Công an mật vụ là đặc sắc của chế độ cũ. Chế độ cũ, biểu tượng chính xác là cơ cấu này. Nó chẳng sắc

sảo nhưng gian ác, không giỏi việc mà giỏi tàn bạo. Chế độ cũ không cách biệt cái mà chính chế độ ấy mô tả về cộng sản và điển hình giống nhau nhất, làm kinh khủng dân chúng và Phật-tử nhất, chính là công an mật vụ.

**Thứ ba, về quân đội**  
những nét kỳ thị Phật-giáo độc đáo nhất là:

1. — Sự kiện trước tiên là không có Tuyên úy Phật-giáo (5). « Các thanh niên tăng sĩ Phật-giáo cũng phải nhập ngũ nhưng không có quyền Tuyên úy Phật-giáo trong quân đội... mặc dầu 80 hay 90 phần trăm binh sĩ là Phật-tử », đó là lời ông Donald Harrington nói tại nhà thờ lớn Nữ - ước ngày 30-6-1963, cách 2 tuần sau khi Bồ tát Quảng-đức tự thiên vi Phật-pháp. Chính quyền Ngô đình Diệm đối với vấn đề Tuyên úy Phật giáo, đã dùng 3 hình thức để thực hiện cho được chủ trương đàn áp tín ngưỡng Phật giáo của tối đa số quân đội, và cưỡng bách họ theo tín ngưỡng Thiên chúa của ông. Hình thức thứ nhất để đối phó với sự phản xuất công khai của quân đội, chính

quyền Ngô đình Diệm cũng nói đến Tuyên úy Phật giáo: khi thì nói riêng và bằng miệng, khi thì nói trên báo chí, có một lần còn nói bằng công văn, nhưng tất cả lời nói ấy đều lỏng lẻo, hàng hai, và tiếp theo là thái độ hững hờ, dùng dằng, và công khai tỏ thái độ dùng sự chậm trễ của văn thư và nguyên tắc để làm cho việc thiết lập Tuyên úy Phật-giáo không thể thực hiện được. Trong khi đó họ lại tuyên truyền trong quân đội rằng Phật giáo không đếm xỉa đến nguyện vọng của quân nhân Phật tử. « Vi Phật giáo thân cộng sản », « vi Phật giáo bất lực » đó là những lời họ nói thêm, với tất cả sự cố ý. Hình thức thứ hai là buộc Phật giáo, nếu lập Tuyên úy, phải đặt dưới quyền Tuyên úy Thiên chúa. Tăng sĩ phụ trách

(5) Về việc Tuyên úy cho Quân đội. Phật giáo thấy cần phải làm vì 2 lý do: lý do thứ nhất ở đây đa số là Phật-tử, họ cần được an ủi tinh thần và sinh hoạt tín ngưỡng, lý do thứ hai là để Phật giáo không bị phủ nhận ở đây. Phật giáo không chủ trương khuyến loét và làm chủ ở bất cứ địa hạt nào kể cả quân đội. Thế nhưng hiện thời vẫn đề Tuyên úy Phật giáo vẫn chưa thực hiện đúng như nguyện vọng chính đáng của đại đa số quân nhân vốn đều là Phật tử.

Tuyên úy Phật giáo phải cởi áo, ăn mặn, v.v... Hình thức thứ ba là làm ngang và làm cho lấy có, nhất là để nhằm mục đích chứng tỏ Phật giáo thấp kém, bằng cách lựa chọn một vài vị Tăng sĩ đã bị họ bắt đi lính hay một vài người Phật tử thuộc nhiều kinh chủ, cho làm « ông sãi » giữ những nơi họ lập ra và cũng gọi là chùa nhưng kỳ thực chỉ là cái chòi sơ sài, xài xạc, với một bàn thờ thảm hại, và « ông sãi » ấy thỉnh thoảng vác mô đi đưa những xác chết nào được đem về quân y viện: đó « Tuyên úy Phật giáo »!

2. — Sự kiện nổi bật nhất, quân đội và dân chúng thấy rõ nhất, nhất là thực tế xảy ra hơn hết, ấy là cưỡng bách Phật tử theo thiên chúa giáo. Hình thức cưỡng bách rõ rệt nhất là, nếu họ không làm như vậy, họ sẽ không có sự thăng thưởng và tin dùng. Mà sự kiện này không phải chỉ xảy ra cho tướng tá, cho sĩ quan mà thôi đâu, chính các binh sĩ cũng bị như vậy. « Các sĩ quan trong quân đội từ cấp Ủy trở lên phần nhiều là người Thiên chúa, và nếu ai muốn được thăng thưởng thì phải trở

lại theo Thiên chúa giáo ». Ông Donalds Harrington đã tố cáo như vậy. Thực chất của toàn thể chế độ Ngô đình Diệm là một thiên số cùng tin ngưỡng Thiên chúa giáo với ông thì làm chủ nhân, còn đại đa số Phật tử thì bị xem là những kẻ phụ thuộc nên chính trong quân đội mà ta được thấy dấu Phật tử có tài giỏi, chiến công lớn lao hay tinh mạng bị thương và bị chết đến bao nhiêu, họ cũng không được thăng thưởng và trọng dụng vì những thứ đó mà trái ngược lại thế, có khi chính vì những ru diêm đó mà họ bị khổ ải hơn lên. Sự trạng quả thực quá bi thảm vì các sĩ quan và binh sĩ Phật tử, cơ hồ không ước vọng thăng thưởng hay trọng dụng, mà đa số phải cần rằng phần bội tín ngưỡng Phật giáo chỉ vì nếu không thì sẽ bị làm khó dễ, làm tội tình đủ cách, tui cực và uất hận vô cùng.

3. — Như đã nói tuy thiên số nhưng vì cùng tín ngưỡng Thiên chúa giáo với ông Ngô đình Diệm, nên những người này dù với cấp bậc nào, họ tựa như phía hành chánh, vẫn nghiệm nhiên đóng vai

chủ nhân ông điều khiển và tác oai tác phúc, còn Phật tử thì dù tướng lĩnh, sĩ quan hay binh sĩ, dù đông đảo, công lao và tài cán đến bao nhiêu vẫn phải khuất phục trước thiếu số đó. Đó là điều chúng ta quá nghe và quá biết. Nhưng chúng ta chưa nghe và biết cái điều sau đây, được tổ giác bởi người ngoại quốc — đầu sự đó chẳng có gì đáng ngạc nhiên lắm, bởi chính họ lại được có tài liệu dễ biết rõ hơn về những điều xảy ra cho tổ quốc và dân tộc chúng ta, trong khi chúng ta bị bưng bít hoàn toàn. Người ngoại quốc ấy tên Donalds Harrington. Ông đã diễn thuyết tại nhà thờ lớn Nữ ớc, Mỹ quốc, ngày 30-6-1963, đã trích dẫn từ báo Newsweek số ra ngày 27-5-1963 cho biết « các tư lệnh tiêu đoàn Thiên chúa giáo trong quân đội miền Nam V.N. được trang bị với vũ khí hạng nặng và đầy đủ hơn là những người không phải Thiên chúa giáo. Tại nhiều khu vực, các giáo sĩ Thiên chúa giáo có quân đội riêng, mệnh danh là đoàn « quân giám mục », có bốn phận bảo vệ nhà thờ và các giáo sĩ, và chịu trách nhiệm

trước Tổng giám mục anh ruột của Tổng Thống Diệm. Đoàn quân này được trang bị bằng vũ khí Hoa kỳ. các bọ và tôi phải trả sự tổn kém đó, và họ được các cố vấn quân sự Hoa kỳ huấn luyện ».

4. — Đặc biệt về quân đội là sự trạng sau đây, một sự trạng tiêu biểu chính xác cho chế độ Ngô đình Diệm mà dữ dội và cứng rắn cho đến nỗi ngày nay vẫn chưa chấm dứt, và dĩ nhiên nạn nhân chính yếu vẫn là cái đại đa số quân đội tức Phật-tử. Sự trạng đó là trong quân đội, những bộ phận nào có quyền và dễ ăn thì hầu hết là người cùng tín ngưỡng Thiên chúa giáo với chế độ, còn những bộ phận nào phải đánh giặc, gian nguy mà ít hoặc không thực quyền thì hầu hết là Phật-tử, khác tín ngưỡng với chế độ. Những bộ phận sau là đại đa số mà phải khiếp hãi và khuất phục những bộ phận thiếu số trước là vì thế. Thế rồi, trong khi chính quyền ông Ngô đình Diệm lợi dụng cái số lượng bề ngoài bên nhiều bên ít này tuyên truyền quân đội Phật-tử cũng chiếm ưu thế, thì cái đại đa số Phật-tử được gọi là chiếm

ưu thế đó bị điều khiển, hành hạ và nhất là bị giám sát bởi cái thiểu số cùng tin ngưỡng Thiên chúa với ông. Không cần nói về tổ chức vũ trang tuyên truyền mà hãy nói ngay cái tổ chức an ninh quân đội, một tổ chức tuy theo nguyên tắc thì giám sát tinh báo lại nội bộ quân đội, nhưng thực tế đối tượng chính yếu là Phật-tử trong đó. Theo tôi biết, trong một cơ sở nọ của an ninh quân đội, có 54 nhân viên mà đến 50 người là Thiên chúa giáo. Tại các đơn vị quân đội thì đơn vị trưởng chọn lấy sĩ quan an ninh, nhưng đơn vị trưởng đa số là người cùng tin ngưỡng Thiên chúa với Ngô Tổng Thống hoặc thực tế chịu sự khống chế của cố vấn, thì sĩ quan an ninh được lựa chọn hay phải lựa chọn là ai, và ai là nạn nhân, khỏi hỏi và khỏi nói. Tình trạng này, cho đến ngày nay vẫn chưa thấy chấm dứt, nên nạn nhân là cái đại đa số Phật-tử trong quân đội vẫn bị oan khổ đủ cách đủ thức. Sự việc điển hình là có Phật-tử may mắn lọt vào một sở của tổ chức an ninh quân

đội, biết khá rõ bí ẩn của sở này, nên sau ngày 1-11-63, người ấy bị trả thù và bị loại bỏ do chính cái đa số nhân viên tin ngưỡng Thiên chúa trong sở ấy lập hồ sơ trừng trị bằng cách để cho người Phật tử ấy tất cả cái tội đàn áp Phật giáo mà họ đã làm, và dĩ nhiên họ trừng trị được (bằng cách đưa đi các tiền đồn biên giới) và trừng trị rất có tinh lý theo giai đoạn. Theo nguyên tắc, an ninh quân đội không có quyền bác khước mà chỉ có quyền nói sự nhận xét của họ về sự đề cử hay bổ nhiệm các chức chương trong quân đội, nhưng, dưới chế độ Ngô đình Diệm, sự nhận xét lại có quyền hơn sự bổ nhiệm vì lẽ sự nhận xét đó là của cơ quan tai mắt của Tổng thống và tuyệt đại đa số nhân viên là những người cùng tin ngưỡng Thiên chúa với Tổng thống đã được đặt vào đó: sự trạng đó nhắm vào ai, ai là nạn nhân, và nạn nhân oan khổ như thế nào, thì hỏi là đã trả lời, chứ chắc chắn không phải là cọng sản!



**Thứ tư, về chính quyền,** tự tôn quá đáng nên không những nét vẽ lại sau đây thể chấp nhận khuyến cáo trong nước ngoài nước ai nhưng lại dễ bị mê hoặc. cũng biết : Một chế độ cố vấn như vậy mà lại được cộng sự và tham

1. — Về phương diện chỉ huy, tuy chính quyền cũ có đủ mọi cơ cấu, nhưng chính cái ta thấy biết và bị làm nạn nhân là sự khống chế chính quyền cũ thực tế nằm trong « chế độ cố vấn ». Chế độ này đã diễn ra như thế nào? Trước tiên, chính cố vấn mới có thực quyền tuyệt đối, quyết định và toàn diện, nắm hết chính trị, công an, quân đội, hành chính, kinh tế và văn hóa. Nhưng, kể đó, ngoài ông Ngô-dinh-Luyện, nguyên Tổng thống có 1 anh, 2 em và 1 em dâu, nên chế độ cố vấn ai cũng có quyền tuyệt đối mà quyền ấy không duy nhất. Kể đó nữa, cái quyền cố vấn tuyệt đối mà không duy nhất này lại « vô trách nhiệm », không có minh văn gì ấn định và chỉ huy toàn bằng khẩu lệnh. Sau hết, cá tính của vị cố vấn nào cũng thiếu bình tĩnh và nhân tính,

muru bởi một thiểu số cùng tín ngưỡng Thiên chúa thao túng : chính đó là cái căn bản của mọi chính sách và hành động kỳ thị và ngược đãi Phật giáo và Phật tử tức đại đa số dân chúng. Có ai thấu chăng, chính những cán bộ cao cấp chứ đừng nói hạ cấp và dân chúng, của cậu thì chết vì cha và của cha thì chết bởi cậu, sự mâu thuẫn quyền hành của chế độ cố vấn cũng đã giết chết nhiều người và chết chỉ vì là Phật tử dầu họ đã cam tâm làm tôi mọi?

2. — Về phương diện tổ chức, do chế độ cố vấn mà tuy cũng tòa này sở nọ nhưng tất cả và hết thấy đều phải thi hành theo mạng lệnh của cố vấn mà thôi. Văn phòng cố vấn chỉ huy và quyết định tất cả. Văn phòng ấy lại không có gì hơn là một ít người chạy truyền khẩu lệnh, và đặc

biệt là một bộ phận mặt vụ kinh khủng. Nhưng ta không cần đi sâu vào việc này. Chỉ nói rằng vì cái quyền cố vấn, một thứ quyền thể hiện tín ngưỡng Thiên chúa của đấng sự, bao trùm mọi cơ cấu tổ chức của chính quyền, nên cũng chính ở đây đã diễn ra dữ dội nhất cái sự trạnh sau đây: trong thực tế, tiêu chuẩn tuyển dụng và tín nhiệm nhân viên là phải tín ngưỡng Thiên chúa; Phật tử đầu đông, đầu có kẻ có tài, đầu có kẻ chức cao, đầu có kẻ được cố tin, vẫn, tất cả, đầu là kẻ phụ thuộc, bị khinh thị, ngược đãi, canh chừng, bị làm tội làm tình bởi một thiểu số cùng tín ngưỡng Thiên chúa với cố vấn. Họ phải khiếp hải thực sự số người công khai ra mặt làm chủ này: đầu khả năng chuyên môn và công lao to tát đến mấy, đầu tính mạng bị thương và bị chết đến bao nhiêu, cũng chẳng ăn nhằm gì! Cũng chính vì tổ chức của chính quyền là như thế nên sự trạnh sau đây đã xảy ra khắp nơi, khắp

các cấp bộ, và Phật tử đã là nạn nhân oan ức của sự trạnh đó: cán bộ cộng sản muốn được tín nhiệm — và trọng dụng nữa — thì chỉ rửa tội là đủ! Do đó mà người ta không lấy làm lạ khi thấy tổ chức chính quyền của chế độ Ngô đình Diệm tuy không anh minh như họ tự phong nhưng lại rất gian manh hiện chưa có đối tượng so sánh, một sự gian manh nhắm vào đại đa số dân chúng tức Phật giáo đồ, nên chính Phật giáo đồ đã bị đem xương máu làm chứng nhân cho cái chính quyền Ngô Tổng thống biểu lộ đầy đủ những gì họ đã được nghe chính quyền ấy mô tả về cộng sản.

3. — Về phương diện thực chất, như đã nói, chính quyền Ngô đình Diệm đã dung hòa cả 2 tính chất gia trị và đảng trị vào 1 tính chất là giáo-trị, biểu hiện khí sắc và khí thế độc tài vừa cùng độ vừa một chiều, chiều tín ngưỡng Thiên chúa, không khác chi cái mô hình của chiều khác mà chính họ mô tả, chiều tín

ngưỡng Mác - xít. Thực chất này, nạn nhân chính, và nhiều, là ai? Như đã nói, hỏi là đã trả lời. Và đó là nét chính yếu. Đến như cái thực chất của chính quyền Ngô đình Diệm biểu lộ trong sự lợi dụng mọi hình thức « dân chủ » và « pháp trị » để trị dân chúng, nhất là trị vì ghét cái tín ngưỡng Phật giáo của họ khác với cái tín ngưỡng Thiên chúa của mình, thì thực chất đó không cần phải nói đến nhiều lắm.

4. — Tổng kết mà nói thì vì tất cả mọi sự trạng trên đây, về phương diện chủ nhân chính quyền Ngô đình Diệm

thực sự nằm trong bàn tay khống chế và khuynh loát của thiểu số cùng tín ngưỡng Thiên chúa giáo với ông. Thiểu số ấy là nông cốt. Và đó là sự trạng mà ta đã thấy cũng như sẽ còn thấy nữa, cùng khắp tất cả mọi mặt của chế độ Ngô đình Diệm. Bởi cái chủ nhân nông cốt đó mà nạn nhân và đối tượng chính yếu của chế độ Ngô đình Diệm là Phật tử chứ không phải là cộng sản, và dĩ nhiên Phật tử đó bao giờ cũng được vu cáo là cộng sản!

(Còn nữa)

## CỬA SỔ

Mở ra đón gió ngàn phương  
Cho cờ Phật-giáo cùng vươn khắp trời  
Máu rơi và lệ đã rơi  
Bao nhiêu đau khổ dồn đời lên cao  
Qua rồi một giấc chiêm bao  
Trăm năm sau nữa ai nào nhớ chẳng  
Ba ngàn thế giới đầy trăng  
Hồi chuông thiên cổ, sóng Hằng nước trong  
Đêm nay bàng - bạc trong lòng  
Nhìn qua cửa sổ mà không thấy buồn.

Tokyo, 2508  
HUYỀN-KHÔNG

# Thái độ của PHẬT TỬ TÂY TẠNG

## ĐỐI VỚI THIÊN CHÚA GIÁO

(ĐỀ TRẢ LỜI CÂU HỎI CỦA ĐÀI B. B. C. TẠI LUÂN-ĐÔN - ANH QUỐC)

LAMA A. GOVINDA

THÍCH-TRÍ-CHƠN dịch thuật

**M**UỐN hiểu Phật-tử Tây-Tạng có thái độ thế nào đối với Thiên - Chúa - Giáo, trước tiên chúng ta cần biết danh từ « Tôn-giáo » đối với họ có nghĩa gì? Danh từ Tây-Tạng sát nhất với nghĩa tôn-giáo (hay Đạo) là « CHÖ », tiếng Phạn là « DHARMA ». Nó có nghĩa là một định luật về tâm linh, vũ trụ hay nguyên lý chi phối hết thảy các Pháp. Sống phù hợp với định luật này là ước vọng cao cả nhất của con người và chính đó cũng là những phương tiện giúp con người đạt đến cảnh giới đạo đức và toàn thiện. Cho nên, theo dân tộc Tây-Tạng, tôn giáo không phải chỉ là hệ thống giáo điều cố định mà là một lối biểu - lộ tự nhiên niềm tin trong ý định muốn đạt đến một cuộc sống cao cả của con người hoặc tự cứu mình thoát khỏi bức thành vô minh và bản ngã vị kỷ để thể nhập được chân lý vũ trụ qua sự giác ngộ của tâm linh. Có bao nhiêu hạng người thì có bấy nhiêu con đường và pháp môn. Bởi vậy người Tây-Tạng không xem hiện tượng đa giáo như một tai họa hoặc là lý do để con người tranh chấp, thù hận nhau và họ cho đó như điều kiện tất nhiên và cần thiết cho sự tiến bộ tinh thần của nhân loại.

Người Tây-Tạng vốn có tinh thần tôn trọng cá nhân khá cao, nên họ sẵn sàng chấp nhận và tôn kính hết thảy mọi hình thức tín ngưỡng và tôn giáo. Do đó, ở Tây-Tạng

Phật-giáo cũng như Thiên-Chúa-Giáo đều có rất nhiều giáo phái. Tuy nhiên, giữa các giáo phái này không bao giờ có sự tranh chấp hay thù ghét nhau. Họ sống hòa bình bên nhau và luôn biết tôn trọng giá trị tôn giáo lẫn nhau. Người theo đạo này không bao giờ hủy báng kẻ theo đạo kia. Tinh thần tôn trọng tín ngưỡng cá nhân ấy đã được thể hiện qua câu ca dao Tây-Tạng sau đây:

« Lung-pa ré-ré ka-lug ré,  
Lama ré-ré cho-lug ré »

« Vùng nào có tiếng nói vùng ấy,  
Lạt-ma nào có giáo lý nấy ».

Cho nên với tập tục này, mọi người ai cũng có quyền chấp nhận hay chối bỏ cùng thực hành và công khai bày tỏ ý kiến đối với tôn giáo họ theo. Người ta thường tổ chức những cuộc thảo luận về tôn giáo và ý kiến của quần chúng đưa ra trong những buổi hội thảo đó thấy đều được mọi người tôn trọng. Phần lớn những buổi thảo luận công cộng này thường được sự khuyến khích, giúp đỡ đặc biệt của các tu Viện Đại-học Phật-giáo như Ganden, Drepung và Sera. Người Tây-Tạng cũng không quá ngây thơ tin rằng chân lý của đạo giáo có thể biểu hiện bằng những thuyết-lý hay sự tranh luận. Các nhà sư Tây-Tạng vẫn thường xác nhận là chân lý tuyệt đối không thể nào diễn đạt bằng ngôn từ, văn tự mà nó chỉ có thể hiện bày ở nội tâm do sự tu chứng của chúng ta. Cho nên điều quan hệ không phải ở nơi giáo lý chúng ta tin tưởng mà là ở chỗ chúng ta kinh nghiệm, thực hành giáo lý đó cùng những kết quả nó đem lại cho chúng ta và nội người xung quanh. Bất cứ tôn giáo nào dẫn chúng ta đến cảnh giới an lành, giải thoát khổ đau đều là những đạo lý chân chính.

Ở Tây-Tạng, dân chúng quý trọng nhà sư hơn ông vua, những người xa lìa được mọi vật dục thế gian hơn những

kẻ giàu sang và ai dám hy sinh mạng sống chính mình để cứu giúp chúng sanh hơn kẻ thống trị toàn thế giới. Cho nên ngày nay những câu chuyện tiền thân về gương hy sinh của đức Phật thường được mọi người nhắc lại trong những buổi lễ trại, những ngày lễ tôn giáo hoặc thường dân, trong gia đình, các tu viện cũng như giữa những nơi đô thị đông người. Và những câu chuyện này bao giờ cũng gây được nhiều xúc cảm cho người nghe, ngay cả từ anh chàng chần lừ cộc cằn nhất đến tên gian manh đại bịp ở thành phố. Bởi lẽ chúng không phải chỉ là những mẩu chuyện hoang đường xa xăm mà là những hình ảnh phản chiếu chân thật cuộc sống của bao nhiêu Thánh Tăng Tây - Tạng ở quá khứ cũng như hiện tại. Do đó, chúng ta dễ dàng hiểu tại sao câu chuyện chúa Jesus chịu đóng đinh trên thập tự giá để chuộc tội cho loài người vẫn gây được nhiều xúc cảm sâu xa đối với mọi thường dân Tây - Tạng. Tuy vậy, nhưng ví phỏng có ai bảo rằng: « Các anh nên bỏ, đừng theo các vị Thánh Tăng, Lạt-Ma nĩa mà chỉ nên thờ đức Chúa không thôi » thì họ sẽ không khỏi ngạc nhiên và tức bực trước câu nói như thế. Bởi lẽ theo họ, chân lý bao hàm duy nhất trong những điều mà xưa nay những vị giáo chủ, thánh hiền của nhiều dân tộc đã chỉ bày: đó là bức thông điệp của lòng bác ái, từ bi cùng sự nhận thức về cái bản thể chân như, vượt ngoài ngôn từ và định nghĩa, mà Thiên-Chúa giáo gọi là THƯỢNG - ĐẾ (God), Ấn - Độ giáo là PHẠM - THIÊN (Brahman) và Phật - giáo là TOÀN - GIÁC (Enlightenment).

Nếu Thiên-Chúa giáo không chiếm được địa vị độc tôn ở Tây-Tạng mặc dù dân chúng đã dành nhiều cảm tình tiếp đón đối với các giáo-sĩ đầu tiên đến đây, hẳn là có nhiều lý do. Nhưng lý do chính không phải vì quần chúng không chấp nhận đấng Christ hoặc giáo lý căn bản của Ngài mà trái lại, bởi lẽ những lời dạy của Christ không có gì cao siêu vượt hơn những giáo lý đức

Phật, mà từ lâu các vị Thánh Tăng và Lạt-Ma đã thực hành ở Tây-Tạng nhiều hơn bất cứ nơi nào tại Âu-Châu. Lý do thứ hai vì các giáo-sĩ Thiên-Chúa trong khi cố gắng giảng truyền giáo lý của Christ tại Tây-Tạng, họ lại chối bỏ không chấp nhận những lời dạy cao siêu của đức Phật và những vị Bồ-Tát sống ở xứ này cũng như vốn bởi họ sẵn có nhiều thành kiến tôn-giáo và hành động cố chấp vào những giáo điều khác với giáo lý bác ái bao dung của Christ. Và tưởng không có gì trình bày cụ thể hơn về thái độ của dân chúng Tây-Tạng đối với Thiên-Chúa giáo bằng đoạn lịch sử ghi chép sau đây: Vào năm 1625, Padre Antonio de Andrade, vị giáo sĩ Thiên-Chúa đầu tiên đến Tây-Tạng, đã được vua Guge tiếp đón nồng nhiệt tại Tsaparang (miền tây Tây-Tạng). Với tinh thần quảng đại của Phật-giáo, ông đã được nhà vua hết sức trọng nể và cho phép lưu lại để truyền giáo. Vì nhà vua nghĩ, một người đã nguyện đi khắp thế giới để truyền cái đạo lý của họ đang theo, thì cái đạo lý ấy chắc là có lắm điều đáng nghe và sự giả đó cũng đáng được kính trọng. Nhà vua cũng tự tin rằng chân lý không bao giờ có thể phá hoại chân lý và bất cứ lời dạy chân chính nào ở tôn giáo ngoại lai cũng chỉ đem lại sự tốt đẹp, phát triển thêm cho giáo lý của các Thánh Tăng, chư Phật và Bồ-tát ở Tây-Tạng mà thôi. Để bày tỏ thiện cảm của mình, vua Guge đã viết một bức thư gửi cho giáo sĩ Antonio de Andrade vào năm 1625, có đoạn như sau:

« Chúng tôi rất vui mừng về việc Linh-mục Padre Antonio đến xứ chúng tôi để truyền đạo. Chúng tôi xem ông như vị Lạt-Ma và cho phép ông đủ quyền truyền dạy giáo lý cho dân tộc chúng tôi. Chúng tôi đã ban hành sắc luật cấm chỉ không ai được phép ngăn cản, áp bức ông trong công việc này và chúng tôi sẽ ra lệnh cấp cho ông một khu đất cùng mọi vật dụng cần thiết để ông xây cất một ngôi nhà giảng ».

Nhà vua còn cúng cho vị tu sĩ Thiên-Chúa trên ngay cả khu vườn riêng của ông, trong khi ở Tây-Tạng, những khu vườn như thế rất hiếm và đặc tiền. Nhưng tiếc thay là với những thiện chí sẵn có, nhà vua không ngờ rằng nhà truyền giáo xa lạ kia đến không phải chỉ để trao đổi mọi tư tưởng tốt đẹp và chân thật với những ai đang cùng cố gắng để đạt đến những lý tưởng chung cao quý, **mà cốt mong hủy diệt những giáo lý đức Phật và để thay chúng bằng một tôn giáo khác được họ xem như là chân lý độc nhất.** Vì thế, cuộc tranh chấp đã xảy ra, nổi bất bình của dân chúng mỗi ngày một lan rộng trong nước và sau cùng, những nhà đối lập chính trị với nhà vua đã nổi lên chống ông ta. Trong khi đó, Linh-mục Padre Andrade được khích lệ bởi những kết quả truyền giáo tại Tsaparang, ông ta liền tiếp tục đến Lhasa để mong mở rộng phạm vi giảng đạo khắp vùng Tây-Tạng. Sau cùng, vì căm tức, dân miền tây Tây-Tạng đã nổi loạn, nhà vua bị đả đảo, kéo theo sự sụp đổ của triều đại Guge và nền hưng thịnh của dân chúng miền Tsaparang,

Khoảng một thế kỷ sau, vào năm 1716, nhà truyền giáo Jesuit Padre Desideri đến vùng Lhasa, ông vẫn được dân chúng cung cấp cho một gian nhà, tiện nghi, cùng mọi nhu cầu cần thiết. Ông được nhà cầm quyền tiếp đón như một người khách quý và cũng cho phép ông có quyền phát triển tôn giáo bằng phương tiện giảng dạy hoặc viết sách để phổ biến. Thật vậy, trong một cuốn sách biện bác một vài điểm giáo lý của đức Phật, giáo sĩ Desideri đã ghi nhận sự kiện sau đây:

« Nhà tôi ngẫu nhiên trở thành nơi lui tới thường xuyên của mọi hạng người đặc biệt là hàng trí thức và



giáo sư ở các chùa cũng như các trường đại-học Phật-giáo. Nhất là tại các trường đại-học quan trọng ở vùng Sera và Drepung, nhiều người đã mong ước được chúng tôi cho họ đọc những sách đạo »

Qua những điều trên, chúng ta thấy rằng cùng thời ấy, Tây-Tạng thật ra đã văn minh hơn các nước Châu Âu, nơi mà lúc bấy giờ, các tôn giáo ngoại đạo và những sách của họ đều bị ngược đãi hoặc đốt phá. Và ai cũng có thể tưởng tượng thấy trước được điều gì sẽ xảy ra đối với bất cứ nhà truyền giáo ngoại quốc nào đến La-Mã mà dám phản đối công khai những giáo điều của Thiên-Chúa. Cho nên không còn ai lạ gì khi thấy những bậc bề trên Thiên-Chúa khó lòng chấp nhận được tinh thần khoan dung, xuất hiện như cánh cửa rộng mở để đem lại cho họ nhiều lợi ích tốt đẹp, bằng sự chấp nhận những giá trị tinh thần chung của các tôn giáo. Cũng vì vậy mà biết bao cơ hội may mắn để hai tôn giáo lớn hòa hợp đã trôi qua.

Dù thế nào, chúng tôi vẫn hằng ước mong rằng có ngày tín đồ của đấng Christ cũng như của đức Phật sẽ cùng nhau gặp gỡ trong tinh thần thiện chí và hiểu biết, cái ngày mà tình thương của đức Phật và đấng Christ sẽ được chứng thực một cách cụ thể, hầu đoàn kết thế giới trong nỗ lực chung, để cứu thoát loài người khỏi họa diệt vong bằng cách hướng toàn thể nhân loại trở về với ánh sáng của chân lý.

(Trích dịch tạp chí MAHA BODHI số tháng 5-1962  
phát hành tại Ấn-Độ)

# Cảm niệm

Kính dâng Từ-Phụ



Đã xa rồi, buổi đất trời chuyển động  
Đã xa rồi, tám hướng nắng dâng hoa  
Con cúi đầu lắng nghe lời thề - kỷ  
Giấc chân thường vơm ngọc cõi Tỷ-la.

Ôi Máu - ni, yên - nguyên trời Đại - ngã  
Hương vô - ưu một phút bỗng se mình  
Ba cõi luân lưu bình bồng gió lạ  
Hóa thân này hiện xuống nẻo phủ sinh.

Cho trái tim người trôi thành dã thú  
Cho búp tay người nở cánh sen thơm  
Cho kiếp lưu đày trôi buồn viễn xứ  
Cho niềm thương yêu dựng lấy thiên đường.

Con tìm con, tự vô cùng nguyên - thủy  
Bông giọt mình châu biến với chân tâm  
Bôi vó thể đã mẹ thành hiện hữu  
Nên hôm nay soi mặt vẫn trông lầm.

Đầy đi nhau đi vào nơi lửa ngục  
Người với người cúi mặt giữa hư - vô  
Chân - thể triền miên bỗng đầy tử nhục  
Cho biển luân - hồi lớp lớp triều xô.

Kính lạy Ngài con cúi đầu dâng lễ  
Đêm si-mê đang rộn tiếng diên cuồng  
Thề kỷ hôm nay hải hùng bóng quỷ  
Đoàn con Ngài nguyện xóa bớt đau thương.

Xin lấy thương yêu diệt trừ bạo lực  
Xin dùng trái tim chặn đứng cầm thù  
Cho đất biên thù trôi không máu đổ  
Cho trời Ta-Bà xanh biếc mây thu.

NGUYỄN - NHƯ



*Phỏng vấn*

## Đại-Đức SANGHARAKSHITA

TẠI HY - MÃ LẬP - SƠN (\*)

2) Xin Đại Đức cho biết lý do Đại Đức đặt hiệu chùa là «Tam Thừa Cọng tiến» (TRIYANA VARDHANA)?

— Vâng, Lý do đặt hiệu chùa này là «Tam Thừa Cọng tiến», kể ra cũng lạ kỳ nhưng đầy ý-nghĩa. Như Đại Đức biết chùa này mới được tạo lập vào 1957. Nhưng tôi lên Kalimpong này vào 1950. Trong thời gian 1950 đến 1957, tôi thường trú tại Chùa DhammaDaya, gần phố, do Đại Đức Mahanam, người Népal trú trì. Ở đó, Tôi đã hợp tác với quý vị Tăng già và cư sĩ Népal, Tây Tạng, Sikkim, Ấn-độ thành lập Hội Thanh Niên Phật-tử và xuất bản nguyệt san «stepping stones»; biên soạn được nhiều sách như quyển «A survey of Buddhism, Messenger from Tibet v.v... Và thường xuống miền trung du để hướng dẫn và thuyết pháp cho hằng trăm ngàn Phật-tử mới, những người cùng dính theo gương Bác-sĩ Ambedkar, qui-y Phật — Một hôm, nhờ duyên lành, tôi được hội-kiến với một vị Lạt-ma, từ Tây Tạng sang, tên là Chotul Sangye Dorje mà, qua phong độ, ngôn ngữ và một vài hành động siêu phàm của Ngài người ta cho Ngài đã Đắc Đạo và có thần thông (2). Chính vị Lạt ma này đã nói với tôi: «Độ vài tháng sau thì Đại Đức sẽ trở nên Trụ trì của một ngôi chùa tên là «Tam Thừa Cọng tiến». Lúc bấy giờ, tôi hết sức lấy làm lạ vì trong vùng này không có ngôi chùa nào được gọi là «Tam Thừa Cọng tiến» cả. Vì

(\*) *Bài này tiếp theo bài phỏng vấn đăng ở trang 15 số 5 vừa rồi.*

1) Người Anh.

2) Những bậc chân tu không bao giờ tự nói là mình đã đắc đạo.

Lạt ma ấy còn đọc cho tôi một bài kệ tiếng Tây-Tạng mà ý nghĩa như thế này:

« Trên trời cao không có biên giới.

Mặt trời giáo pháp của Đức Thế tôn,

Tua ra muôn ngàn tia sáng « ba hoe » (giới, định, huệ)

Liên tục chiếu sáng cho hết thấy đệ tử, không phân biệt tông phái

Nguyện cho ba thừa giáo pháp được rộng truyền khắp cõi Diêm-phù-đề.

Mồng chín tháng giêng năm « Hỏa-Thân » (1)

Đại Đức Sangharahita sẽ bắt đầu công tác cho Phật-sự này ở Hy-mã Lạp-Sơn »

Quả thật, đúng vào năm tháng trên, Ông Marco Pallis, Richard Nicholson (người Anh) Ông Durbar (Sikkim) cũng một số thiện tín hảo tâm khác nhận thấy cần phải có một ngôi chùa thuận tiện cho việc truyền bá giáo pháp tại Kalimpong, nơi có nhiều Phật-tử thuộc nhiều tông phái khác nhau. Họ đóng góp tiền độ 19.000 rupi (300.000 V.N.) kiến tạo ngôi chùa này và thỉnh tôi về Trú Trì. Nhớ lại lời dạy của vị Lạt ma và thể theo đại nguyện của các Phật-tử trên tôi đặt hiệu chùa là « Tam Thừa Cọng tiến » (TRIYANA VARAHA NA) Chùa này là chùa chung cho tất cả Phật-tử thuộc ba thừa: Tiểu thừa, Đại thừa và Kim cang thừa (Hinayana, Mahayana Vajrayana nói theo danh từ của các sử gia hay là Nam tông, Bắc Tông và Mật Tông) Từ đó, tôi luôn luôn cố gắng thực hiện cho kỳ được ba mục đích sau đây:

1) Chùa là trung tâm nghiên cứu tất cả triết hệ của Phật-giáo bằng văn hệ Pali, Sanskrit, Tây Tạng, Trung-hoa, sáng tác và dịch thuật những tác phẩm triết lý, văn chương Phật-giáo bằng Anh, Nepali, Tây Tạng, Hindi, Marathi v.v...

2) Chùa là trung tâm thuyền quán cho cả Tăng già và cư sĩ.

---

1) Theo kiểu tính năm tháng của lịch Tây Tạng.

Chùa cố gắng cung cấp mọi tiện nghi cho những ai muốn tu tập thuyền quán theo những cách thức thuyền quán của tông phái mà họ theo họ có thể lưu trú tại chùa lâu hay mau theo điều kiện thời gian mà họ có.

3) Chùa là trung-tâm huấn luyện Tỳ-kheo, Sa-di và cư sĩ muốn trở nên những cán bộ truyền bá Chánh pháp đề hướng dẫn Phật tử nhất là hàng triệu Phật tử mới trở về với Tam bảo.

Theo tôi, danh hiệu như mục đích của chùa rất thích hợp với nền Phật giáo hiện đại, nhất là ở Ấn này. Như đại đức biết ngày nay Phật giáo đang bước vào một giai đoạn mới. Trải qua nhiều thế kỷ, Phật giáo đã lan rộng khắp nơi. Vì là lẽ sống nên đến đâu Phật giáo cũng hòa hợp với tâm lý, phong tục của người bản xứ và tạo thành lẽ sống thích hợp để đưa họ về với chánh pháp và đem lại an vui hạnh phúc cho họ. Vì thế Phật giáo ở Tích Lan, Miến Điện v... không giống Phật giáo Trung Hoa, Việt-Nam, Nhật Bản v.v... Và Phật giáo Tây Tạng, Sikkim, Bhutan có một màu sắc riêng biệt.

Ngày nay Phật giáo được truyền sang Âu Mỹ, những nơi khoa học được phát triển, lại mang thêm một hình thái tân kỳ nữa.

Nói như thế, không có nghĩa là bảo Phật giáo các nước, ngoài Ấn-Độ, khác hẳn Phật giáo lúc Phật còn tại thế. Nơi đây chúng tôi phải hiểu nguyên-lý « Tùy duyên bất biến, Bất biến nhưng tùy duyên » mà các nhà Truyền giáo sáng suốt của Phật-giáo đã áp dụng. Nhờ thế, trong lịch sử, Phật-giáo bất cứ đi đến đâu cũng được quần chúng hoan hỷ đón nhận và chưa hề gây ra những vụ « Thánh chiến » vì khác Tông-phái. Người ta cũng lấy làm lạ khi thấy các Tỳ kheo Nam-Tông vẫn sống chung với các Tỳ-kheo Bắc-Tông hoặc với các vị Latma. Sự trạng này không thể có được trong một tôn giáo thiếu Trí tuệ và Từ Bi. Căn đây Hội Phật giáo thế giới đã được thành lập và trở nên một tổ chức liên kết tất cả các Tông-phái của Phật-giáo trên thế giới. Theo tôi

Tôn phái được các vị Tổ sư lập ra là để thể hiện Chánh pháp trong cuộc sống loài người, gồm đủ hạng người khác nhau về tâm-tánh, kiến-thức cũng như hoàn cảnh địa phương. Không những tôi mà các bạn tôi như Bác sĩ Edward-Conze tác giả rất nhiều sách Phật-Học danh tiếng, Luật-sư Christmas Humphreys Hội-trưởng hội Phật-giáo Anh-quốc, Quốc-vương Sikkim, Thượng-tọa Thích Minh-Châu v. v. . . đều cùng một ý-nguyện là phải phát triển tất cả tông phái, nghĩa là làm cho nền Phật giáo tổng hợp được sáng tỏ thêm lên để phục vụ cho toàn-thể phân loại.

Ngang đây, Đại đức dừng lại và hỏi chúng tôi ở Việt Nam có đủ ba thừa không. Tôi thưa là chỉ có Bắc Tông và Nam Tông, còn Mật tông thì không rõ rệt lắm. Có vài Đại Đức Bắc Tông cũng tu luyện thần chú nhưng không lập riêng Tông phái như ở Tây-Tạng. Bắc Tông được truyền vào Việt-Nam từ cuối thế-kỷ thứ hai chịu ảnh hưởng Phật-giáo Trung hoa duy trì và phát triển cho đến ngày nay.

Nam-Tông mới được truyền vào từ Cam-bốt độ 30 năm nay. Sau cuộc đoàn kết cho Tự do tín ngưỡng bây giờ Tăng già và cư-sĩ Việt-Nam thuộc hai Tông phái: Nam và Bắc đang xây dựng một ngôi chùa vĩ-đại có thể chứa được 30.000 người tại Thủ đô Saigon để làm nơi truyền bá Chánh pháp chung.

Có thể gọi ngôi chùa ấy là chùa « Nhị Thừa Cộng Tiến ». Và những vị đang tích cực xây dựng chùa ấy cũng có ý nguyện tương tự như Đại đức.

Nghe đến đây một nụ cười thông cảm và thán phục liền nở trên môi Đại đức. Và chúng tôi tiếp tục hỏi câu hỏi khác.

**Những kỳ sau sẽ đăng tiếp những câu hỏi :**

- 3) Xin Đại đức cho biết sự liên hệ giữa ba thừa,
- 4) Theo ý kiến Đại đức thế nào là một Tỳ kheo và một cư sĩ kịu mẫu.
- 5) Xin cho biết chương trình của Đại đức trong việc phục hưng Phật giáo tại An.
- 6) Trong thời gian Phật tử Việt-Nam tranh đấu cho chánh pháp Đại đức đã làm gì để giúp họ.
- 7) Xin cho biết ý kiến của Đại đức về hoạt động của Hội Phật giáo thế giới hiện nay và chương trình hoằng-pháp trong phạm vi quốc tế phải được cụ thể hóa như thế nào?

# PHẬT GIÁO VIỆT NAM

## qua phong giao tục ngữ

NGUYỄN-THỊ-TUYẾT  
Phật - Tử — Kim - Sơn

### 2. — TÌNH YÊU

**Ở** đây không phải phong dao tục ngữ phản ảnh quan niệm của Phật-giáo đối với vấn đề sinh lý, tình yêu và diệt dục. Tình yêu vốn dĩ dồi dào trong phong dao tục ngữ, vì vậy mà đã không thể không liên hệ đến cái Phật-giáo đã sống với họ trên dưới 17 thế kỷ. Ta rất nên tìm hiểu cái tình yêu liên hệ đến Phật-giáo đó nó đã như thế nào.

Có lẽ không một phương diện nào chứng minh lý thuyết luân hồi cho bằng sự thân thuộc của con người, nhất là vợ chồng và tình yêu. Tình yêu là gì? Có lẽ không có cách cắt nghĩa nào giá trị bằng sự liên hệ từ kiếp trước được ẩn chứa trong chữ căn duyên:

Phải căn duyên xứ Đố ngoài Huế cũng tìm,  
Không phải căn duyên cây cỏ mọc trước thềm  
cũng nhỏ quăng đi!

Và, dẫn đứng về phương diện tại gia mà nói đi nữa, tình yêu vẫn phải được hiểu như một trong các mức độ của «dục».

Yêu nhau chữ vị là vì,  
Chữ dục là muốn chữ tùy là theo.

Phong dao tục ngữ liên hệ Phật-giáo đã quan niệm

tình yêu như một nghĩa vụ, nguyện nâng đỡ nhau mà sống trong cuộc đời vốn dĩ gian nan:

Trèo lên trái núi giải oan (1)  
Tay nâng chén trắng múc lên nước trong,  
Đàng xa xin chờ ngòi ngừng,  
Trèo non xuống dốc ta cùng đỡ nhau!

Tình yêu qua phong dao tục ngữ liên hệ Phật-giáo không xâm xõ dầu vẫn có những nét tinh quái của nó: đó là cái nhũn tổng quát. Bây giờ ta hãy quay lại dĩ vãng, khi cái thời chưa có chinh chiến đập chùa, phá làng. Trong mỗi làng V.N. có chùa và đình là hai chỗ căn bản. Riêng chùa làng lại là nơi có phong cảnh nhất. Xóm chùa có cây cao bóng mát, có giếng nước trong ngọt. Dưới đêm trăng, ở đấy là nơi đập lúa, giã gạo, ở đấy vang lên giọng hò câu hát của thanh niên và thiếu nữ đồng ruộng. Và nếu chính người thiếu nữ gốc ở xóm chùa thì khỏi nói, nàng là mục phiêu mà trai làng theo đuổi:

Lòng thương con gái xóm chùa,  
Khéo may dây gấm, khéo thùa bông dâu.

Biết bao giờ, hay không bao giờ nữa, dân tộc ta phục hồi lại được đời sống thực là sống, nơi xóm chùa dưới ánh trăng ngày mùa? Phạm Duy đã than rất đúng: «Nước cuộn về làng ta, nước hờn cuộc tình quê...» Cho nên hẳn ta nói đến bất cứ cái gì đáng nâng niu nhất của dân tộc ta sau lũy tre xanh, thì y như rằng đụng đầu với chiến tranh! Nhất là cái tình yêu của dân tộc. Ta hãy quay lại nơi những ngôi chùa, chùa làng hoặc hơn nữa, những ngôi chùa danh tiếng. Trước hết, cảnh

(1) Giải oan: 1 cảnh của Hương tích, danh lam đệ nhất của đất Bắc.



chùa (phong cảnh của chùa hoặc chùa là nơi thắng cảnh) và hội chùa (những lễ kỷ niệm lớn tổ chức tại chùa) đã là nơi tình yêu gặp gỡ và phát sinh:

Mưa từ trong núi mưa ra,  
Mưa khắp thiên hạ, mưa qua chùa Thầy,  
Đôi ta bắt gặp nhau đây,  
Như con cò gầy gặp bãi cỏ hoang.

Cảnh chùa là nơi ghi dấu của tình yêu:

Minh về đường ấy thì xa,  
Đề anh bắt cầu sông Cái về qua Ninh-Bình  
Đất Ninh-bình có chùa non nước,  
Núi Phi diên, Hội hạc chung quanh,  
Em về em chớ quên anh.

Vì vậy mà trong nỗi thương nhớ của tình yêu, cảnh chùa càng gợi lên tha thiết:

Thà rằng biệt tích chi đờ,  
Càng trông thấy cảnh thấy chùa càng thương.

Như thế là vì sự gặp gỡ đầu tiên, cái chùa đáng mến đã hiện ra cùng một lúc với những cảnh đáng mến khác sau lũy tre xanh:

Sơn-bình chợ Lối chẳng xa,  
Cách một đái quán với ba quảng đồng,  
Chẳng tin đứng lại mà trông,  
Bên tây có miếu bên đông có chùa,  
Ở trong lại có đình thờ,  
Em còn kén chọn bán mua chốn nào?

Không những hội chùa và cảnh chùa liên hệ đến tình yêu, tình yêu còn được cầu nguyện ngay trong chùa:

Lên chùa lạy Phật quy y,  
Cầu cho tuổi nớ tuổi nì kết nguyên.

Từ khi Phật-giáo bị các thầy phù thủy của Lão-giáo

lợn sòng, người con gái còn xin bùa mà đeo, chắc là để cầu được yêu và sống với người yêu:

Tay bưng quả nếp vô chùa,  
Chấp tay lạy Phật xin bùa em đeo.

Nhưng tình yêu của họ trong sạch, dùng đảng và trung trinh:

Ở đây gần cảnh gần chùa,  
Lẽ đâu có lẽ chuyện trò trăng hoa,  
Trúc mai sum họp một nhà,  
Song tình đạo nghĩa đã già đồng căn,  
Cũng liều phó thác cái thân,  
Khi vui cũng một Tấn Tàn mà thôi.

Cho nên trong niềm chung thủy, chùa và cảnh chùa đã kết hợp và thử thách với tình yêu:

Bao giờ cạn lạch Đòng-nai,  
Nát chùa Thiên-mộ mới phai lời nguyện!

Cũng tại cảnh chùa, tình yêu đã nói đến hôn phối chứ không phải chỉ yêu thương vợ vẫn:

Chung quanh những chị em người,  
Giữa chùa non nước một tôi với chàng,  
Dù chàng mà có yêu đương,  
Thì chàng đắp điếm trăm đường đi cho,  
Yêu chán sợ chàng lại no,  
Rồi khi ngủng nguẩy biết nhờ cậy ai?

Còn phía chàng, chàng có một cách khác để nói về sự hôn phối mà chàng ước nguyện:

Ngó lên trên trời thấy cặp cu đang đá,  
Ngó ra ngoài biển thấy cặp cá đang đua,  
Biểu em về lập miếu thờ vua,  
Lập trang thờ mẹ, lập chùa thờ vua (2).

Chính vì ý thức hôn phối trong tình yêu mà người

(2) Trang: trang trại, chứ không phải tran.

con gái e ngại dẫu nàng biết chàng rất thiết tha đợi nàng:

Anh như cái võ - môn,  
Cao không xiết kẻ,  
Ngăn ngoài cửa bể,  
Mà đợi cá lý - ngư về,  
Nếu kiếp tu còn vụng không bề thoát qua!

Không phải nàng e ngại vô lý, cũng không phải nàng chỉ e ngại mình không sánh nổi với chàng, mà nàng còn e ngại lòng chàng biến đổi. Điều đó rất đúng, và nàng đã bày tỏ nỗi e ngại ấy như sau, chứng tỏ cái triết lý «tâm thị vô thường» rất được nàng thấu hiểu:

Em chin:  
Thủy đổ ngư, thiên biến nhận,  
Cao khả xạ hề, đồ khả điếu,  
Chỉ xích nhân tâm bất khả phòng, (3)  
E sau lòng lại đổi lòng,  
Nhiều tay tham bươi chē bòng lảm anh!

Chính vì vậy mà trong tình yêu, khi ý thức tự trọng của người con gái thức tỉnh, nàng nghĩ ngay đến một hình ảnh của Phật-giáo đầu chỉ là cái Phật-giáo của thầy cúng:

Em như cây quế giữa rừng,  
Thơm cay ai biết, ngát lừng ai hay,  
Anh như cây phượng nhà chay,  
Em như chiếc đũa, sánh bày sao nên?

Đó là nàng. Còn chàng, lối tha thiết hơn phổi của chàng tuy huênh hoang như sau đây, nhưng không phải chàng đùa cợt mà thực đã nói lên sự mơ ước khá nặng của chàng:

Vái trời cưới được cô Năm,  
Làm chay bảy ngọ, mười lăm ông thầy.  
(Còn nữa)

(3) Cá dưới nước, chim trên trời,  
Cao và sâu mấy cũng có thể bắn và câu,  
Chỉ có lòng người, trong gang tấc mà không biết đâu để đề phòng

# Kim-cang tánh

QUẢNG-HUỆ

**K**HI tiền chân một đệ-tử lên đường truyền pháp, đức Phật hỏi :

— Giả như đến một nơi kia, con gặp người dùng lời lẽ ác độc mà mắng nhiếc con, con sẽ đối xử với người ấy thế nào ?

Vị đệ tử vui vẻ trả lời :

— Bạch Thế Tôn, con vẫn thấy người ấy còn dễ chịu vì họ chưa xúc phạm đến thân con.

Phật lại hỏi :

— Nếu như người ấy dùng gậy, đá xúc phạm đến thân con thì con đối phó thế nào ?

— Bạch Thế Tôn, con vẫn thấy họ còn tốt vì họ chưa giết con.

Đức Phật lại hỏi thêm,:

— Giả như họ dùng gươm bén, dao nhọn mà giết chết con thì con nghĩ thế nào ?

Vị đệ tử trả lời không do dự :

— Bạch Thế Tôn, con xin cảm ơn họ, vì họ đã làm cho con thoát khỏi thân xác giả tạm này để được giải thoát.

Đức Phật quay lại nói với các đệ tử đứng bên cạnh :

— Các con nghe đấy. Đây là một tâm hồn đồng mãnh,

một Kim-cang tánh, cần thiết cho tất cả các đệ tử sắp lên đường truyền bá giáo lý của ta.

Kim-cang tánh mà Đức Phật vừa nói trong trường hợp trên đây là gì? Kim-cang là một chất mà không một chất nào bì kịp về sức cứng rắn. Kim-cang là một chất rỗng, không phải do những chất nào khác hợp thành, lại không do một lò nào có thể luyện đúc nên. Kim-cang không thể bị hủy hoại và có công năng đánh tan các vật chất khác ở ngoài.

Kim-cang tánh là phần trong sáng nhất, cứng rắn nhất trong tâm ta, là Phật-tánh. Kim-cang tánh vốn có trong bất cứ người nào, nhưng đối với người thường, vì bị vô-minh phiền não che phủ, nên Kim-cang tánh chưa phát lộ. Chưa phát lộ mà không bao giờ suy giảm hay mất mát. Tuy nhiên, nhờ sự huân tập, nhân một cơ duyên lành, Kim-cang tánh có khả năng đánh tan bao nhiêu vô minh phiền não, chướng ngại, như cơn gió mạnh xua tan mây mù, như nắng vàng làm tan biển sương mai.

Kim-cang tánh là sức mạnh để chiến thắng mọi trở lực bên ngoài, và càng chiến thắng, Kim-cang tánh càng được phát lộ rực rỡ.

Ngày xưa Thái-tử Tát-Đạt-Đa, dứt khát từ bỏ cung vàng điện ngọc, dẫn thân vào con đường tầm đạo gian lao, qua bao nhiêu cạm bẫy của ma vương, để đạt tới Đạo-pháp huyền diệu, đã chứng tỏ một Kim-cang tánh sáng ngời và thành Phật.

Bồ tát Bất-Hưu-Tức đã kiên trì tu tập, học Phật không phút ngừng nghỉ; Ngài Cư-ma-La-Thập đã hiến dâng trọn đời cho sự nghiệp phiên dịch Tam tạng kinh điển; Ngài Đại-chí-thuyền-sư đã mở bụng tự sát để phản đối chế độ khát khe, cấm đoán hành đạo của vua nhà Tùy (Trung-quốc); Ngài Huyền-

Trang, đá lặn lội từ Tràng an, kinh đô nhà Đường, vượt qua hàng vạn dặm đường núi non hiểm trở của Tây-Tạng để sang Ấn-độ sưu tập kinh điển; Ngài Vạn-Hạnh thuyền-sư đã cố công trì chí trong việc ứng dụng giáo-lý đức Phật vào sự cải tạo xã-hội Việt-Nam; Thái-Hư Đại-sư đã sống hòa nhập vào cuộc đời khổ đau của dân tộc Trung-Hoa, của nhân dân thế giới trong và sau cuộc thế chiến thứ hai, chu du khắp năm châu để phổ biến đạo Phật ứng hợp với thời đại mới, vận động thành lập Phật-Giáo Thế-giới.

Và năm vừa qua đây, Thượng-tọa Thích-Quảng-Đức, an nhiên tĩnh tọa giữa ngọn lửa hồng nóng bỏng đang thiêu đốt xác thân Ngài. Một cảnh tượng phi thường đã làm xúc động toàn thể thế giới. Kim-cang tánh của Bồ-tát đã chận bàn tay bạo tàn của bầy quỷ dữ, đã đánh thức dậy Kim-cang tánh của bao nhiêu Phật tử Việt-Nam. Cho nên, sau những trận khùng bố rộng lớn bằng lựu đạn, bằng xe bọc sắt, bằng lưỡi lê súng đạn, sau bao nhiêu tra tấn dã man trong các trạm giam, tinh thần đấu tranh của toàn dân, lên cao như thác mạnh, đến cuối cùng cuốn trôi đi một chế độ độc tài, ghê tởm.

Trong kinh «Tứ thập nhị chương» đức Phật dạy:

Kẻ ác hại người hiền như ngựa mặt lên trời mà nhờ nước miếng, nước miếng không chạm đến trời, mà sẽ rơi trở xuống mặt người ấy, như đứng ngược gió mà giê bụi, bụi không đến kẻ khác, mà lại bay vào mình; người hiền không thể bị hại mà trái lại họa đến với kẻ ác.

Thật là rõ ràng. Bài học thực tế ấy vừa mới qua bình bóng chưa phai mờ trong tâm trí người dân Việt-Nam. Ấy thế mà, hiện tại đây, vẫn còn nhiều kẻ chưa chịu nhận chân bài học ấy. Họ còn dùng những trò cũ, những thủ đoạn bèn hạ của bọn thực dân xâm lược. Họ tìm cách chia rẽ các vị

lãnh đạo Phật-giáo. Họ vu cáo các vị Thượng-tọa mà tên tuổi và uy tín của các vị này gắn liền với tinh thần của cuộc đấu tranh vừa qua, bằng cả một hệ thống báo chí, từ một vài tờ báo ở Mỹ ở Pháp cho đến tờ Saigon Post và một vài tờ báo Việt ngữ nằm trong tay họ. Họ dùng đến cả những truyền đơn giả danh hiệu « một số thanh-niên và sinh viên Phật-tử » với lời lẽ khuôn rập theo giọng điệu « phòng chính trị Tổng thống phủ » của Nhu Diệm, trích trong tập tài liệu : « V. N cộng-hòa và vụ Phật-giáo » in bằng 3 thứ tiếng của vợ chồng Ngô đình Nhu.

Với họ, chúng tôi xin có mấy lời :

« Thừa các Ngài, các Ngài quả thật rất khôn vì đã cố lên mình trong nhà Phật để đánh lừa thiên hạ, nhưng thưa các Ngài, các ngài hở hên rồi, vì đã để lộ chân tướng của mình, thủ đoạn ấy dù hiểm độc đã man, nhưng đã quá lỗi thời, không thể nào lừa gạt ai được nữa... »

Phần mình, chúng tôi biết chắc rằng, cũng như những ngày qua. Kim-cang tánh của các vị lãnh đạo Phật-giáo, Kim-cang tánh của mọi giới Phật tử, càng qua những thử thách gay go sẽ cùng được sáng ngời thành sức mạnh vô địch để đưa Phật giáo đến những ngày hưng thịnh của thời kỳ lịch sử vàng son Lý Trần, hy vọng đưa dân tộc ra khỏi tình trạng đen tối của 20 năm chiến tranh liên miên đến những ngày hòa bình và an lạc.

**Phật-Tử nên dùng và cử-dộng :**

● **Hương Giải - Thoát**

● **Vị-trai lá Bỏ-Đẻ**

DO PHẬT-HỌC-VIỆN SẢN-XUẤT

# VƯỜN THƠ ĐẠO LÝ

NGUYỄN-HẠNH  
phụ trách

**M**ÙA Pháp-Nạn 2507 đã theo bánh xe thời gian lụi về đi vắng ngót một năm rồi, nhưng tiếng thơ mùa Pháp-nạn vẫn không thôi đồng vọng âm vang trên đất nước này. Không phải nhắc lại Quá-khứ để khơi dậy hận thù quá khứ. Không phải nhắc lại Quá-khứ bởi vì không còn vấn đề gì nữa để nói cho Tương-Lai. Người Thơ nhắc lại Quá Khứ để làm sáng lên trên khuôn mặt của Quá-Khứ một vầng Linh-quang: KINH NGHIỆM.

Kinh nghiệm làm người bị chà đạp quyền tự-do, kinh nghiệm làm người bị chà đạp quyền tự-do tin-nguỡng: những kinh nghiệm đau thương mà quý giá đó chính là những ngọn đuốc thiêng mãi mãi thấp sáng trong lòng mọi người dân Việt. Những ngọn đuốc thiêng này sẽ mãi mãi nhen-nhúm cái Ý-Chí Bất-Khuất của cả một dân-tộc — dân-tộc đã có một Quá-Khứ quá nhiều gian khổ nhưng vẫn hằng biết can-dảm để nhìn thẳng đến Tương-Lai đó, chính là dân-tộc Việt-nam thân yêu của chúng ta.

Tiếng nói của nhà Thơ vang vọng từ Quá-Khứ, chúng tôi thiết tưởng đó chính là tiếng nói của một kinh nghiệm. Kinh nghiệm của một Quách thị Trang gục xuống dưới họng súng của một chính-thể bạo tàn, đề từ cái chết hèn mọn — hèn mọn bởi vì hy sinh — ấy, thoát ra tiếng nói cao cả của Con Người khi thấy tự do của mình bị chà đạp không xót thương. Cái chết của Quách thị Trang chính là cái chết gục xuống, gục xuống để mà đứng dậy. Cái chết Quách-thị-Trang chính là cái chết tất đi, tất đi để mà chiếu sáng. Như một vì sao trước khi tắt đi, còn vạch một đường lửa sao băng để chiếu sáng bầu trời tối đen của Lịch-sử. Nhà thơ... Nhà thơ ĐOÀN-THƯƠNG-HẢI đã nói về cái chết đó bằng những dòng thơ sau:

... Ôi đất nước tôi tràn đầy quý báu  
Nước mắt rơi trên lời kinh nguyện cầu



Ồi nghìn nay còn vọng đến nghìn sau  
Dòng sử thắm còn trong tim ngưỡng mộ

Em nằm đó và muôn người nức nở  
Tuổi thanh xuân dâng hiến trọn cho đời  
Đề trăng sao còn mãi chiếu rọi ngôi  
Đề nhân loại còn tin yêu vững sống

Em nằm đó cho muôn lòng rung động  
Dòng máu tươi làm khấp váp quân thù  
Tôi đứng đây còn tưởng niệm thiên thu  
Tà áo trắng với hồn em trinh bạch

T I đứng đây dù biết rằng ngàn cách  
Nghĩ rằng em vừa cứu rồi muôn người  
Mâu nhiệm thay chúng ta vừa thấy lại mặt trời  
Ngày tang tóc đã qua - Chúng ta vừa sống lại.

(Khúc TRANG - Đoàn Thương Hải)

*Cùng với Quách-thị Trang, bao nhiêu tin-dờ khác đã gục chết bởi cường quyền. Dù chết một cách công-khải hoặc âm-thầm, bao giờ cái chết của những con - người - biết - chết - cho - Tự - Do này cũng hàm chứa sự Hy-Sinh, sự Hy-Sinh vì Chính-Pháp :*

Máu trào chảy nhuộm tươi cờ Phật-giáo  
Lửa hồng thiêu hun mất ánh tử bi  
Chuông nức nở rền vang tin Tử-đạo  
Đất chuyền rung mọi nẻo bước chân đi!

Muôn tiếng hét gào lên trong bão tố  
Khối đau thương, nước mắt uống vô tim  
Biến thành đá, chôn tận cùng tâm khảm  
Hướng Từ-Đàm .. trước mũi súng xông lên!

Đấy kềm nhọn, lưỡi lê ngôi chia ngọn

**Đầy sa-tăng quý dữ lũ ma vương  
Cười sảng sặc điên cuồng say tử-khi  
Khi hung-thần đang khát máu thềm xương**

**Lựu đạn nổ, xe tăng càn nghiêng nát  
Những thánh nhân tử-đạo chẳng toàn thân  
Một kẻ ngã, trăm vạn người lướt tới  
Quyết hy sinh không vũ-khi trên tay**

(Không thể diệt - CHƠN ĐĂNG)

« *Quyết hy sinh không vũ-khi trên tay* », đó chính là một đặc-điểm của cuộc đấu tranh dũng mãnh trong kỳ Pháp-nạn vừa rồi. Bởi vì đạo Phật chính là đạo Từ-Bi. Lấy oán-thù trả oán-thù, thì nghiệp sân-si biết đến bao giờ, biết đến kiếp nào mới hết. Trong mùa Pháp-nạn, nhà thi-sĩ vẫn không quên lời vàng ngọc của đức Phật:

**Nhưng văng vẳng từ xa xôi PHẬT dạy:  
« Đem tình thương tưới xuống lửa căm thù  
« Trăng dẫu mờ, chân tướng chẳng hề lu  
« Đùng chấp ngã, hết đêm trời lại sáng!**

(Sám hối - CHƠN ĐĂNG)

« *Hết đêm trời lại sáng* », đó không phải chỉ là niềm hy-vọng của riêng nhà thơ, mà chính là niềm tin-tưởng mãnh-liệt của toàn thể Phật-giáo-đồ Việt-nam trong những ngày tháng đen tối của năm vừa rồi. Hơn lúc nào hết, chính trong thời-kỳ chùa chiền bị phong tỏa bằng trùng điệp vòng dây thép gai, nồng-nực mù thuốc súng mù át-xít, đó là lúc toàn thể những người con chung của Phật tích-cực tin-tưởng:

**Không thể diệt - trường tồn và vĩnh cửu  
Đuốc từ bi - lẽ sống của quần-sanh  
Dù lịch sử Việt-nam hoen máu Đạo  
Gốc Bồ-đề càng này nhánh thêm xanh**

(Không thể diệt - CHƠN ĐĂNG)

# Thông - Bạch

**của Tổng - Vụ Hoàng - Pháp thuộc -  
Viện - Hóa - Đạo G. H. P. G. V. N. T. N.**

**Kính gửi các Ban-Đại-Diện các vị Giảng-Sư  
trong các Tỉnh Giáo - Hội toàn-quốc và quý vị  
Tăng-Ni Giảng-Sư tại Thủ Đô Sài-Gòn và Chợ-Lớn  
(Thông qua quý Thượng - Tọa các miền).**

*Kính thưa quý Ban và quý vị.*

*Theo sự chấp-thuận của Viện-Hóa-Đạo và chiếu biên-bản cuộc họp của Tổng-Vụ Hoàng - Pháp vào ngày 16-6-64 tại văn-phòng Tổng-Vụ thuộc trung tâm Quảng-Đức đã quyết-nghị mở một khóa hội-thảo cho toàn-thể quý vị Giảng-Sư trụ-trì ở các Tỉnh cũng như ở Thủ-Đô thuộc Giáo-Hội toàn-quốc trong 10 ngày đê Viện-Hóa-Đạo cũng như các Tổng-Vụ trình-bày đường lối tô-chức của G. H. P. G. V. N. T. N khat mạc vào ngày 20-6 đến 30-6 (tức ngày 28-7 đến 8-8-64)*

*Chương - trình hội - thảo như sau :*

- 1) Thượng-Tọa Viện-Trưởng sẽ thuyết-trình một ngày về đường lối tô chức văn - phòng và hành - chánh của Viện.*
- 2) Thượng-tọa Tri-Tỉnh Tổng-Vụ Tăng-Sư sẽ thuyết-trình 1 ngày về đường lối lãnh đạo Tăng Ni gồm cả Nam và Bắc Tông.*
- 3) Thượng-tọa Huyện-Quang Tổng-Vụ Cư-Sĩ sẽ thuyết trình về đường lối hướng dẫn tín đồ.*
- 4) Thượng tọa Tâm Giác Tổng-Vụ Tài-Chính và KT sẽ thuyết-trình kế hoạch sanh-lai và đường lối kiến thiết.*
- 5) Thượng-tọa Thiện-Minh Tổng-Vụ Thanh-Niên sẽ thuyết-*

trình phương-thức và đường lối tổ chức hướng dẫn thanh-niên  
gồm Gia-đình Phật-tử, Sinh-viên Phật-tử và Học-sinh Phật-tử

- 6) Thượng-tọa Quảng-Liên Tông - Vụ Pháp-Sư sẽ thuyết-trình  
về những tổ-chức Pháp sự
- 7) Thượng-tọa Thiện-Hoa cố vấn tối cao của Tông-Vụ Hoàng-  
Pháp, thuyết-trình về Lịch-sử truyền-bá Phật-giáo từ khi  
Đức Phật-nhập - diệt ở Ấn - Độ qua Trung - Hoa, Nhật-  
Bản c. v. . . về Bắc-tông
- 8) Đại-Đức Hộ-Giác Ủy-viên truyền bá vụ thuyết-trình Lịch-sử  
truyền-bá về Nam-Tông.
- 9) Đại-Đức Đức-Nhuận Ủy-viên kiểm-duyet kiểm Phó Trưởng-  
Ban Hoàng-Pháp hướng dẫn quy-chế Giảng-Sư đoàn
- 10) Thượng-tọa Trí-Thủ hướng dẫn bầu Ban Hoàng-Pháp chính-  
thức, nếu quy-chế thảo-luận xong

Vậy kính thông-bach quý ban yêu cầu cử quý vị Giảng - Sư  
trụ-trì về tham dự đúng như ngày giờ đã định.

Sự xê dịch đi về do quý Tỉ h Giáo-Hội phụ-trách, ăn ở do  
Viện-Hóa-Đạo đảm-nhận.

Xin cho biết danh sách trước ngày rằm tháng sáu âm-lịch để  
kịp thời xếp đặt nơi ăn chỗ ở.

Trân trọng Kính chúc quý Ban và quý vị cát-từờng thanh-tĩnh.

Kính Thông - Bach.

Tông Ủy - Viên Tông - Vụ Hoàng - Pháp.

THÍCH TRÍ - THỦ

Bản sao kính gởi  
— Viện - Hóa - Đạo  
— và các Tông-Vụ.

**TIN TRONG NƯỚC**

**Đại đức Pandit Soratta  
viếng Huế**

Đại-đức Pandit Soratta, vị tu-sĩ Tích-lan, người sẵn lòng cảm tình với cuộc vận động của P.G.V.N vừa qua, đã đến thăm Việt-nam. Ngài xin giấy chiếu khán nhập nội qua trung gian của Ấn-độ và sau ba tuần lễ ở Việt-Nam, Ngài sẽ đi Hồng-Kông, trên đường du hành quanh thế-giới.

Ngài ra Huế ngày 20-7-64. Tại đây, Ngài đã đến thăm ngôi chùa lịch-sử Từ-Đàm, trung tâm của phong trào đấu tranh chống kỳ thị tôn giáo, thăm trường Bồ Đề và các cơ sở Phật-giáo.

Ngài đã nói chuyện với đồng bào Phật-tử trong đêm 21-7 tại chùa Diệu-Đế và đêm 22-7 tại Tăng quang tự của P.G. Nam Ông.

Trong các buổi nói chuyện, ngài trình bày sự liên hệ mật thiết giữa Phật-tử Tích-lan và Việt-nam, sự cảm phục và những hình thức ủng hộ của giới tu sĩ Tích lan đối với cuộc đấu tranh của P.G.V.N, ngài cũng nói qua đến tình hình P.G. tại nước Tích lan, tại Âu châu, tại Mỹ châu, tại các nơi mà Ngài có dịp viếng thăm trong những lần viễn du vòng quanh thế giới.

Sau cuộc nói chuyện, Ngài đã vui vẻ trả lời các câu hỏi của các Phật-tử từ những câu về sự liên hệ giữa các tôn phái Phật-giáo đến cả những câu liên quan đến phần siêu hình học của giáo lý Phật-Đà.

Viện Hóa-Đạo và Liên-đoàn Sinh-viên Phật-tử Việt-Nam phản đối việc làm của bọn chủ mưu phá hoại Phật-giáo.

Ngày 14-7-64 vừa rồi, tại Saigon, một số người giả danh là thanh-niên và Sinh-viên Phật-tử, đã rải truyền đơn vu khống Thượng-tọa Thích Trí-Quang và T.T. Thích Huyền-Quang nhằm gây hoang mang và chia rẽ nội bộ Phật-giáo.

Dưới đây là thông-bạch của Viện Hóa-đạo và thông-cáo của Liên-đoàn Sinh-viên Phật-tử.

**Thông bạch**

Vừa rồi văn phòng Viện Hóa-đạo có nhận 1 truyền đơn nội dung vu cáo Thượng-tọa Trí-Quang và Thượng-tọa Huyền-Quang là cán bộ Cộng-sản.

Đây là một âm mưu quá cũ kỹ và lộ liễu nhằm mục đích gây chia rẽ nội bộ.

Viện kêu gọi toàn thể Phật-tử hãy sáng suốt bình tĩnh đứng hoang mang trước các tin tức vô căn cứ đã và sẽ có sau này và bất luận từ đâu đến, để đánh tan mọi thủ đoạn phá hoại trước sức lớn mạnh của sự Thống nhất Phật-giáo nước nhà.

Kính Thông-bạch

Viện-trưởng

T.T. Thích Tâm-Châu

**Thông Cáo**

\* Liên-đoàn Sinh-viên Phật-tử Việt-Nam tố cáo trước dư luận đồng bào toàn quốc hành động ném đá đầu tay của những kẻ lấy danh nghĩa SVPT để chủ mưu tung truyền đơn

có tính cách vụ không các nhà lãnh đạo Phật-giáo trong ngày 14 tháng 7 năm 1964 tại Đô-thành Saigon.

« Chúng tôi yêu cầu Chánh-phủ, Viện Tăng-thống cùng Viện Hóa-đạo có thái độ trước hành động phá hoại này.

T.M. Ban Chấp-hành  
Đoàn Sinh-viên Phật-tử Huế  
Đoàn trưởng

Ký tên : HOÀNG-VĂN-GIÀU  
(con dấu)

T.M. Ban Chấp-hành  
Đoàn Sinh-viên Phật-tử Saigon  
Đoàn-trưởng  
Ký tên: Huỳnh-Bá-HUỆ-DƯƠNG  
(con dấu)

**Thượng-tọa Thích Thiện-Hoa  
được cử làm Đệ Nhất Trụ trì  
ngôi Quốc-Tự.**

**Thông Bạch  
của Giáo-Hội P.G.V.N.T.N.**  
Kính gởi toàn thể Phật-tử

Ngôi Bảo điện thờ của Quốc-tự sẽ làm lễ an vị Kim thân Phật-đồ do Đại-dức Trụ trì chùa Hải-Tuệ và Phật-tử dâng cúng sẽ cử hành vào hồi 8g.30 ngày 19-7-64. Sau lễ an vị Kim thân Phật-đồ, lễ cung thỉnh Thượng-tọa Thích Thiện-Hoa Phó Viện-trưởng Viện Hóa-đạo lên ngôi Đệ nhất Trụ trì Quốc-Tự.

Vậy trân trọng Thông-bạch cùng toàn thể Phật-tử được biết và xin mời về Quốc-Tự dự lễ quan trọng trên.

Nay Thông-bạch  
Saigon, ngày 15-7-64  
Viện-trưởng Viện Hóa-đạo  
T.T. THÍCH TÂM-CHÂU

**Thượng-tọa Thích Tâm Giác  
giữ chức Giám đốc Nha Tuyên  
úy Phật-giáo**

Theo đề nghị của T. T. Viện trưởng viện Hóa-Đạo, Tổng trưởng Quốc-phòng đã chấp nhận cử Thượng-tọa Thích Tâm-Giác giữ chức Giám-đốc Nha Tuyên úy Phật-giáo và Đại Đức Thích Hộ-Giác làm Phó Giám-Đốc. Nha Tuyên úy Phật-giáo sẽ trực thuộc Viện Hóa-Đạo và chịu trách nhiệm với Bộ Quốc phòng.

Các vị Tuyên úy sẽ do Viện Hóa-Đạo chỉ định, Nha Tuyên úy Phật giáo lập danh sách đề nghị lên Tổng trưởng quốc phòng, Bộ sẽ ban hành nghị định bổ dụng.

Nha Tuyên úy P. G. hiện đặt trụ sở tại số 26 đường Tú Xương Saigon và hiện đang lập danh sách chư tăng đệ tử vào ngành Tuyên úy để phân phối đi phục vụ trong các binh đoàn thuộc mọi binh chủng.

**Thượng-tọa Pháp-Tri kiêm  
nhiệm Tổng vụ Tài chánh  
và Kiến thiết.**

Viện Hóa-đạo, trong phiên họp ngày 26-6-64 đã đồng ý mời Thượng-tọa Pháp Tri, Phó Viện trưởng, kiêm nhiệm chức vụ Tổng úy viên Tổng vụ Tài chánh và Kiến thiết thay thế T. T. Tâm Giác hiện bận nha Tuyên úy Phật-giáo.

**Lễ Cung-nghinh và Tôn trí  
Đại-tạng Pháp-Bảo**

Hồi 11 giờ 10 ngày 07-7-1964 Tỉnh GHPGVNTN Phú-yên đã tổ chức Lễ Cung Nghinh và tôn trí Đại-Tạng Pháp-Bảo tại tổ đình Bửu-Tịnh dưới sự chứng-minh của Đại-Lão Hòa-Thượng Thích Vạn-An. Đại-Tạng Pháp-Bảo gồm 101 tập.

in Đài-loan, trị giá trên 100.000\$00, do Đại-Đức Thích Viên-Đức và một số Đạo-hữu tại Ban mẹ thuộc hiến cúng.

Cuộc lễ Cung Nghinh đã diễn ra trong bầu không khí trang-nghiêm và trọng thể.

### Sự hoạt-dộng của Cô-Nhi-Viện Phật-giáo

Trong chương-trình đẩy mạnh công-tác xã hội và từ-thiện, Tỉnh Giáo-hội Phú-yên đã quyết-dịch khuếch-trương Cô-Nhi-Viện đề đủ cung-cấp cho nhu cầu hiện tại.

Theo bản chiết-trừ công-tác đã được duyệt-y, Cô-Nhi-Viện sẽ được xây thêm một ngôi nhà ở và một trường học, kinh-phí vào khoản trên 500.000 đồng. Tỉnh Giáo-hội sẽ nhờ Bộ Xã-hội trợ cấp cho một phần lớn.

Cũng nên nhắc lại, Cô-nhi-Viện này đã hoạt-dộng từ năm 1959, do các Ni Cô trông nom với sự trợ-cấp của quý Xã-hội Tỉnh và sự đỡ đầu các em của một số tư nhân hảo tâm. Trước đây, mẹ đầu là một cơ-sở từ thiện, Cô-nhi-Viện này cũng bị Chính-quyền cũ chèn ép, khiến có lúc các Ni-Cô phải chạy gạo hàng ngày mới đủ nuôi sống các Cô-nhi hiện nay, Viện phải nuôi nấng trên 40 em. Nhưng vì Tỉnh Giáo-hội Phú-yên hết sức nghèo, 20 năm trôi bị chiến-tranh tàn phá, khó đủ sức gánh nổi Phật sự quan-trọng này, nếu không có sự giúp đỡ của các vị hảo-tâm trong tỉnh cũng như trên toàn Quốc.

### Sự hoạt-dộng của Trường Trung-học Bồ-Đề.

Năm nay, đề đáp ứng nhu-cầu,

Trường Trung-học Bồ-Đề Tuy-hòa đang cho sửa chữa nhà cũ và xây thêm phòng mới với kinh-phí trên 100.000 đồng đề có thêm lớp cho Nam học riêng, nữ học riêng. Năm nay trường sẽ có 13 lớp từ Đệ Thất đến Đệ nhị.

Trường cũng nên nhắc lại trong niên khóa 1963-1964, trường có 12 lớp từ đệ Thất đến đệ tam với 686 học sinh và 16 giáo-sư. Kỳ thi Trung-học Đệ-nhất cấp vừa qua, trường có 96 học sinh dự thi, đậu được 88 em, trong đó có 2 đậu bình, 19 thứ tỷ lệ 89 phần trăm.

Nhờ có sự tận tâm của Giáo-sư lại được hướng dẫn của Ban Giám đốc trong kỷ-luật, Trường Trung-học Bồ-đề Tuy-hòa hiện nay là một tư thực có uy-tín nhất ở Phú-yên, hứa hẹn nhiều triển vọng tốt đẹp.

Ngoài ra năm nay Tỉnh Giáo-hội đã quyết định thiết lập thêm một chi nhánh Trường Bồ-Đề ở Quận Đồng Xuân sẽ khai giảng vào ngày 1 tháng 8 năm 1964 với hai lớp Đệ Thất.

### TIN THẮ GIỚI

#### Trùng tu một ngôi cò tự tại Thái-Lan

Với sự giúp đỡ của các chuyên viên của cơ quan văn hóa Liên-hiệp-quốc, Phật-giáo Thái-Lan đang trùng tu một ngôi cò tự thuộc miền bắc Thái-Lan, theo hình dạng kiến trúc: xưa Ngôi chùa này là một nơi thờ tự làm bằng đá do dân Khmers ở cách Băng-cốc lối 190 dặm. Nguyên trước kia là một chùa thuộc phái Đại thừa Phật-giáo xây ở trung tâm thành phố Pimai. Chính

phủ Thái-Lan nhận thức ý nghĩa kháo cò và lịch sử đã bỏ ra một số tiền đầu tiên là 50 ngàn Mỹ-kim để cho Bộ Mỹ thuật hợp tác với cơ quan văn hóa Liên-hiệp-quốc để xây dựng lại ngôi cò tự này.

### Tinh thần dân chủ Phật-giáo từ thời đức Phật tại thế

«Đức Phật là một nhà dân chủ lớn nhất mà lịch sử đã ghi chép lại. Thủa Ngài đặt ra giới luật cho tăng chúng, ngài đã tham khảo dư luận dân chúng và Ngài đã thấu nhận những lý thuyết và ảnh hưởng của những nhà nhân-loại-học đã sống trước thời đại của Ngài tại Ấn-độ. Ngài cũng đã nhấn mạnh rằng giới luật đặt ra không phải để áp dụng muốn thuở, nhưng để cho thích hợp với thời đại của Ngài».

Đại đức Moratuwa Sasaratne giảng viên đại học đường Phật-giáo Vidyalankara đã nói như thế trong một buổi họp của hội nghiên cứu Pali của đại học đường.

### Những tượng Phật được tìm ra rất nhiều tại Miến-Điện

Tổng số 222 tượng Phật bằng đồng, bằng chì, bằng đá đã được tìm thấy ở Miến-Điện, tại một ngôi cò tự ở làng Htonaing quận Panan. Những tượng này đã được đào lên trong khi một số Phật-tử đang tu bổ lại ngôi chùa bị xiêu vẹo.

### Chương trình Phật-giáo trong vô tuyến truyền hình tại Mỹ-quốc

Hội Á-châu tại Mỹ đã có tổ chức một buổi vô tuyến truyền hình đặc biệt gọi là « Minh triết Á-đông

và đời sống hiện đại » để nói về Đức Phật và Phật-giáo. Ông Alan Watts một học giả Phật-tử, một giảng viên và là tác giả rất nhiều tác phẩm về Phật-giáo đã điều hành chương trình này. Ông đã phác họa về ảnh hưởng hiện nay của Phật-giáo trong thế giới Tây-phương và nói về Phật-giáo Zen.

### Liên đoàn sinh-viên Phật-tử Tích-Lan hoạt động

Liên đoàn sinh viên Phật-tử Tích-Lan quyết định xuất bản những sách về tiểu sử của những vị anh hùng của Tích-Lan. Đây là bước đầu trong chiến dịch « phát huy tinh thần quốc gia và lòng ái quốc ». Liên đoàn cũng quyết định kêu gọi chính phủ Tích-Lan cấm bán rượu cho thanh niên dưới 21 tuổi.

### Thành lập thanh niên Phật-tử tại Mã-lai-á

Đáp lại nguyện vọng của đa số hội viên Hội truyền bá Phật-giáo ở thủ đô Kuala Lumpur, một ban Thanh niên Phật-tử đã được thành lập. Ban này do một hội đồng hội viên điều khiển, trong đó có nam nữ thanh niên hằng hái hoạt động. Ngoài ra có ban hội viên và cố vấn danh dự cho ban thanh niên Phật-tử.

### Họa-sĩ Ha-Khê

Họa sĩ Phật-tử Ha-Khê đã đến Ấn-độ và sẽ ở lại trong một tháng từ 30 tháng 6 đến 30 tháng 7 dương lịch, để vẽ tất cả Phật tích quan trọng như Nalanda Vương xá Linh-son, Bồ-đề đạo tràng, Lộc-Uyển, Kusinara, Lâm tỳ-ni, Xá-vệ v.v... Họa sĩ được sự hướng dẫn chu đáo của hai Đại-đức Huyền-Vi và Thiện-Châu hiện theo học ở Nalanda.



MUỐN TRÉ EM MAU MẬP,  
CHÓNG LỚN, ÍT ĐAU,

HÃY  
DÙNG  
SỮA  
BỘT



*Guigoz*



CÓ BÁN  
ĐẦY ĐỦ TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY